

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG Á CHÂU

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA CÔNG TRÌNH KHAI THÁC CÁT XÂY DỰNG
TẠI BÃI NGHẼN**

Địa chỉ: Xã Quang Vĩnh, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh

Hà Tĩnh, tháng 9 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG Á CHÂU

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA CÔNG TRÌNH KHAI THÁC CÁT XÂY DỰNG
TẠI BÃI NGHẼN**

Địa chỉ: Xã Quang Vĩnh, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh

CHỦ DỰ ÁN
CÔNG TY CP TƯ VẤN
VÀ XÂY DỰNG Á CHÂU
GIÁM ĐỐC



CHỦ TỊCH HĐQT
Hoàng Hữu Long

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH
MÔI TRƯỜNG HÀ TĨNH
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Ngọc Tú

Hà Tĩnh, tháng năm 2024

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	1
1. Tên chủ cơ sở.....	1
2. Tên cơ sở	1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở.....	1
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở.....	1
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở	1
3.3. Sản phẩm của cơ sở	1
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hoá chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.....	1
4.1. Nguyên liệu.....	1
4.2. Sử dụng nước.....	2
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở.....	2
5.1. Vị trí cơ sở	2
5.2. Quy hoạch công trình cơ sở.....	3
5.3. Thông số trạm bê tông nhựa nóng.....	3
CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	6
1. Sự phù hợp của cơ sở đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	6
2. Sự phù hợp của cơ sở đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	7
CHƯƠNG III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	8
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	8
1.1. Thu gom, thoát nước mưa	8
1.2. Thu gom, thoát nước thải	8
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:.....	9
CHƯƠNG IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	13
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	13
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	14
CHƯƠNG V: KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	15
CHƯƠNG VI: CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	17
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.....	17
2. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ theo quy định của pháp luật.....	17
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....	17
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải	18
CHƯƠNG VII: KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ.....	23
CHƯƠNG VIII: CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	20
PHỤ LỤC BÁO CÁO	22

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. 1. Vị trí mỏ cát trên bản đồ vệ tinh.....	3
Hình 1. 2. Công nghệ khai thác cát tại mỏ	4
Hình 3. 1. Sơ đồ thu gom thoát nước thải	8
Hình 3. 2. Sơ đồ nguyên lý hoạt động của bể tự hoại 3 ngăn.....	9
Hình 3. 4. Sơ đồ thu gom rác thải sinh hoạt.....	10

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. 1. Nguyên liệu sử dụng trong cơ sở	2
Bảng 1. 2. Tọa độ góc khu vực mỏ.....	2
Bảng 1. 3. Các công trình cơ sở.....	3
Bảng 4.1. Khối lượng các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt	13
Bảng 5. 1. Kết quả quan trắc nước thải	15
Bảng 5. 2. Kết quả quan trắc nước thải	15
Bảng 5. 1. Kết quả quan trắc nước thải	15
Bảng 5. 2. Kết quả quan trắc nước thải	16

CHƯƠNG I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở:

- Chủ cơ sở: Công ty Cổ phần Tư vấn và Thương mại Á Châu.
- Địa chỉ văn phòng: đường Hà Hoàng, xóm Đoài Thịnh, xã Thạch Trung, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.
- Người đại diện: Ông Hoàng Hữu Long – Chủ tịch HĐQT.
- Điện thoại: 0982.672.345.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số: 3000417092 do phòng Đăng ký doanh nghiệp – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp lần đầu ngày 17/9/2007, thay đổi lần thứ 13 ngày 24/7/2018.

2. Tên cơ sở:

- Tên cơ sở: Công trình khai thác cát xây dựng tại Bãi Nghén, xã Quang Vĩnh, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.
- Địa điểm cơ sở: xã Quang Vĩnh, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.
- Thông báo về việc chấp nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường của dự án “Khai thác cát xây dựng tại khu vực Bãi Nghén, xã Đức Quang, huyện Đức Thọ” số 454/TB-UBND-TN ngày 25/3/2014 của UBND huyện Đức Thọ.
- Quy mô cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Cơ sở có tổng mức đầu tư 1,5 tỷ đồng thuộc nhóm C.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

- Quy mô: Tổng diện tích khu vực mỏ là 4,5ha.
- Trữ lượng đưa vào khai thác 14.280m³.
- Công suất khai thác: 12.000m³ nguyên khối/năm.
- Tuổi thọ mỏ 14 năm.

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Công nghệ khai thác của cơ sở là khai thác bằng sức nước, vận tải trực tiếp bằng hệ thống đường ống đẩy và ống hút với khai trường khu vực bãi bồi, vận tải bằng ghe tự hút tự hành tại khu vực thực hiện dự án.

3.3. Sản phẩm của cơ sở

Sản phẩm kinh doanh của cơ sở là cát vàng xây dựng.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hoá chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

4.1. Nguyên liệu

Đặc thù của dự án là khai thác cát xây dựng với công nghệ khai thác bằng sức nước, vận tải trực tiếp bằng hệ thống đường ống đẩy và ống hút đối với khai trường khu vực bãi bồi, vận tải bằng ghe hút tự hành. Các máy móc hoạt động

của dự án chủ yếu sử dụng nhiên liệu là dầu DO. Lượng nhiên liệu cung cấp cho dự án cụ thể như sau:

Bảng 1. 1. Nguyên liệu sử dụng trong cơ sở

TT	Loại máy	Công suất	Số lượng	Đơn vị	Định mức (l/ca)	Khối lượng (lít)
1	Máy bơm hút cát	24m ³ /h	02	chiếc	54	108
2	Ghe hút	12 tấn	01	chiếc	44	44
	Tổng					152

4.2. Sử dụng nước

- Nước sử dụng cho sinh hoạt:

Tổng số lao động của mỏ là 5 người. Nhu cầu sử dụng nước cho 01 người là 100 lít/ngày (theo TCXDVN 33:2006 bảng 2.1 – Mục 2 của Bộ Xây dựng). Như vậy tổng lượng nước sử dụng cho sinh hoạt là 0,5m³/ngày.

Nguồn cung cấp nước cho sinh hoạt gồm nước ăn uống sử dụng nguồn nước máy trên địa bàn.

4.3. Nhu cầu sử dụng điện

Nguồn điện lấy từ điện lưới khu vực phục vụ thắp sáng và các nhu cầu sinh hoạt tại cơ sở, tổng lượng điện tiêu thụ là 3.000kwh/năm.

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

5.1. Vị trí cơ sở

Khu vực mỏ có diện tích 4,5ha thuộc xã Quang Vĩnh, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Tọa độ các điểm khếp góc như sau:

Bảng 1. 2. Tọa độ góc khu vực mỏ

Điểm góc	Tọa độ VN 2000, KTT 105 ⁰ 30' (múi chiếu 3 ⁰)	
	X (m)	Y (m)
1	2.053.699	514.146
2	2.053.698	514.260
3	2.053.800	514.481
4	2.053.748	514.500
5	2.053.614	514.360
6	2.053.491	514.127



Hình 1. 1. Vị trí mỏ cát trên bản đồ vệ tinh

5.2. Quy mô công trình cơ sở

Các hạng mục công trình cơ sở được xây dựng theo các diện tích sau:

Bảng 1. 3. Các công trình cơ sở

TT	Công trình	Đơn vị	Diện tích (m ²)
1	Khu vực mỏ khai thác	ha	4,5
2	Khu nhà điều hành	m ²	200
	Tổng		45.200

5.3. Thông tin của cơ sở

5.3.1. Pháp lý cơ sở

Mỏ cát xây dựng tại khu vực bãi Nghén được phê duyệt pháp lý như sau:

- Giấy phép khai thác khoáng sản số 411/GP-UBND ngày 15/02/2016 của UBND tỉnh cho phép Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Á Châu khai thác cát xây dựng bằng phương pháp lộ thiên tại mỏ cát xây dựng khu vực Bãi Nghén, xã Đức Quang, huyện Đức Thọ.

- Thông báo số 454/TB-UBND-TN ngày 25/3/2014 của UBND huyện Đức Thọ về việc chấp nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường của dự án “Khai thác cát xây dựng tại khu vực bãi Nghén, xã Đức Quang, huyện Đức Thọ”.

- Hợp đồng thuê đất số 42/2016/HĐTD ngày 06/5/2016 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường và Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Á Châu với diện tích thuê đất là 45.000m², thời hạn thuê đất từ ngày 01/4/2016 đến ngày 15/02/2030, mục đích sử dụng đất thuê sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm (khai thác cát xây dựng).

- Quyết định số 95/QĐ-STNMT ngày 28/4/2014 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt Đề án cải tạo, phục hồi môi trường của mỏ cát xây dựng tại bãi Nghén, xã Đức Quang, huyện Đức Thọ.

5.3.2. Thông tin cơ sở

Mỏ cát xây dựng tại khu vực bãi Nghén được đăng ký ngày bắt đầu khai thác ngày 01/4/2016 hoạt động của cơ sở gồm hoạt động khai thác cát từ khu vực mỏ được giới hạn trong ranh giới đã được UBND tỉnh phê duyệt. Hoạt động sinh hoạt công nhân viên làm việc tại mỏ khu vực phụ trợ. Khu vực phụ trợ gồm khu đất được công ty thuê của người dân phục vụ ăn ở của công nhân viên làm việc tại mỏ.

Tại khu vực phụ trợ gồm nhà tôn diện tích 50m², khung thép, bao xung quanh bằng tôn. Khu nhà vệ sinh diện tích 3m² xây bằng gạch trát vữa xi măng, khu bể chứa nước từ ống trụ bê tông đặt thẳng đứng và khu vực vệ sinh chung.

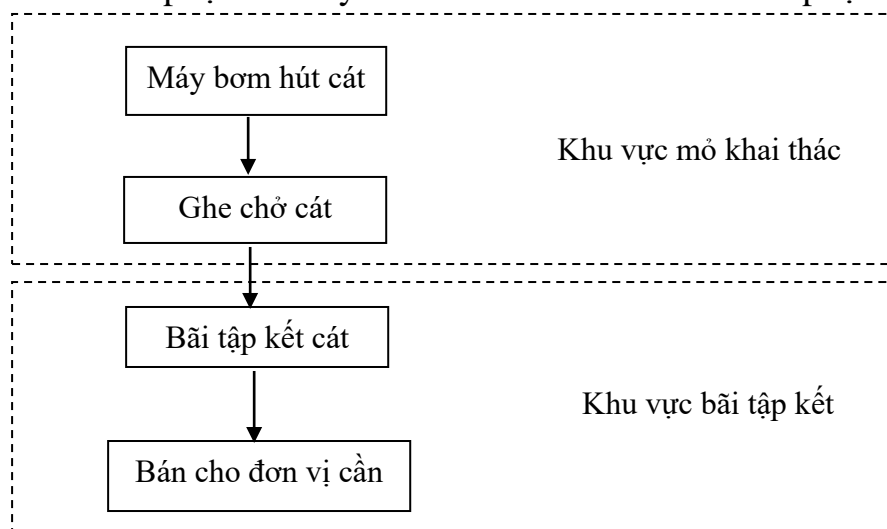
5.3.3. Tuổi thọ mỏ khai thác

- Trữ lượng địa chất 179.912m³.
- Trữ lượng khai thác 147.280m³.
- Công suất khai thác 12.000m³ nguyên khối/năm.
- Thời hạn khai thác 14 năm.

5.3.4. Công nghệ khai thác

Tại khu vực mỏ cát được hút lên bằng ống hút về ghe tàu. Bơm bùn được lắp trên phà nổi, bơm có nhiệm vụ bơm hỗn hợp vữa cát với tỷ lệ rắn lỏng nhất định lên ghe. Tại đây do tỷ trọng cát lớn hơn tỷ trọng nước nên cát sẽ nhanh chóng lắng đọng còn nước được tháo ra ngoài. Khi chất đầy lượng cát trên ghe thì ghe sẽ di chuyển vào khu vực bãi tập kết cát.

Cát trên ghe tàu tại bãi được bốc lên bãi bằng các gàu múc cát, cát tập trung tại bãi được máy xúc lật chuyên dụng tập kết thành bãi. Ghe tàu sau khi đã chuyển hết cát tiếp tục di chuyển đến mỏ cát để khai thác tiếp tục.



Hình 1. 2. Công nghệ khai thác cát tại mỏ

5.3.5. Tổ chức quản lý, vận hành

- Hình thức quản lý và vận hành: Công ty Cổ phần Tư vấn và Thương mại Á Châu trực tiếp quản lý thực hiện và vận hành.
- Giám đốc điều hành mô: Ông Đỗ Văn Kiên.
- Tổng số cán bộ, công nhân viên làm việc tại Cơ sở là 5 người.
- Nguồn lao động: Việc tuyển chọn cán bộ quản lý theo hướng có trình độ đại học, chuyên môn. Đào tạo thêm tay nghề cho cán bộ kỹ thuật, công nhân.

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Căn cứ Điều 22, 23 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Điều 10 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 08/11/2022 của Thủ tướng Chính Phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Khu vực mỏ có vị trí không thuộc vào vùng bảo vệ nghiêm ngặt cũng như vùng hạn chế phát thải bao gồm:

+ Khu vực mỏ không nằm trong vùng bảo vệ nghiêm ngặt: không nằm trong vùng có nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước; Khu bảo tồn thiên nhiên theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, lâm nghiệp và thủy sản; Khu vực bảo vệ 1 của di tích lịch sử - văn hóa theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa; Vùng lõi của di sản thiên nhiên theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Vùng thuộc dãy Trường Sơn, đa dạng sinh học, tập trung nước của các sườn dốc, núi cao dọc biên giới Việt Lào.

+ Khu vực mỏ không nằm trong vùng hạn chế phát thải như: Vùng đệm của các vùng bảo vệ nghiêm ngặt; Hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước; Khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường dễ bị tổn thương trước tác động của ô nhiễm môi trường khác cần được bảo vệ). Vùng cát ven biển và đới biển nông ven bờ; vùng đồng bằng ven biển và vùng gò đồi xen thung lũng trung tâm.

Khu vực mỏ nằm trong khu vực phù hợp với quy hoạch huyện Đức Thọ tại Quyết định số 656/UBND ngày 01 tháng 03 năm 2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Đức Thọ đến năm 2035 tầm nhìn đến năm 2050 - tỉnh Hà Tĩnh.

- Cơ sở phù hợp với quy hoạch đất khai thác cát huyện Đức Thọ.
- Thuộc tiểu vùng kinh tế số 2: định hướng phát triển các vùng kinh tế mũi nhọn bao gồm cụm công nghiệp Thái Yên, công nghiệp dệt may, vật liệu xây dựng, chế biến nông sản.
- Cơ sở được thu gom rác thải bởi đơn vị có chức năng thu gom đến khu

tập kết xử lý rác thải.

2. Sự phù hợp của cơ sở đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường

Về môi trường nước: nước thải sinh hoạt của công nhân viên làm việc tại cơ sở với lưu lượng 0,5m³/ngày đêm được xử lý qua bể tự hoại, lượng nước thải này tương đương với lượng nước thải của một hộ gia đình. Đối với khối lượng nước thải nhỏ áp dụng phương pháp xử lý tại chỗ gồm hệ thống bể tự hoại 03 ngăn phổ biến hiện nay. Ngoài ra tại mỏ không sử dụng nước cho mục đích nào khác do vậy không có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

Về môi trường không khí: Trong quá trình hoạt động, cơ sở có phát sinh lượng khí thải từ các phương tiện gồm ghe tàu hoạt động khai thác khu vực mỏ, hiện nay cơ sở không có công trình thu gom xử lý khí thải do hoạt động phân tán của khí thải từ các phương tiện này, tuy nhiên các phương tiện trên đã được kiểm định đảm bảo đạt tiêu chuẩn khí thải để vận hành nên không ảnh hưởng đến môi trường khu vực.

Đối với chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường được đơn vị thỏa thuận thu gom với đơn vị thu gom địa phương.

Đối với chất thải nguy hại, các cơ sở hoạt động trong cơ sở đều có hợp đồng với đơn vị đủ điều kiện thực hiện, định kỳ đến thu gom mang đi xử lý theo đúng quy định về bảo vệ môi trường.

Như vậy, nhìn chung cơ sở đặt tại vị trí này là phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường.

CHƯƠNG III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Nước mưa từ mái nhà khu vực phụ trợ được chảy thẳng xuống khu vực đất trống và theo hướng rãnh nước xuống sông Lam.

Nước mưa từ khu vực đất trống được ngấm một phần, phần còn lại được dẫn chảy theo rãnh thoát xuống khu vực sông Lam.

1.2. Thu gom, thoát nước thải

- Công trình thu gom nước thải:

+ Nước thải khu nhà vệ sinh được dẫn bằng ống PVC D60 về bể tự hoại 03 ngăn chôn ngầm để xử lý.

+ Nước thải rửa tay, chân sàn khu vệ sinh được thu gom bằng ống PVC D90 cùng nước thải sau nhà vệ sinh dẫn ra hố ga rồi thoát ra rãnh thoát hướng dòng ra sông Lam.

- Công trình thoát nước thải:

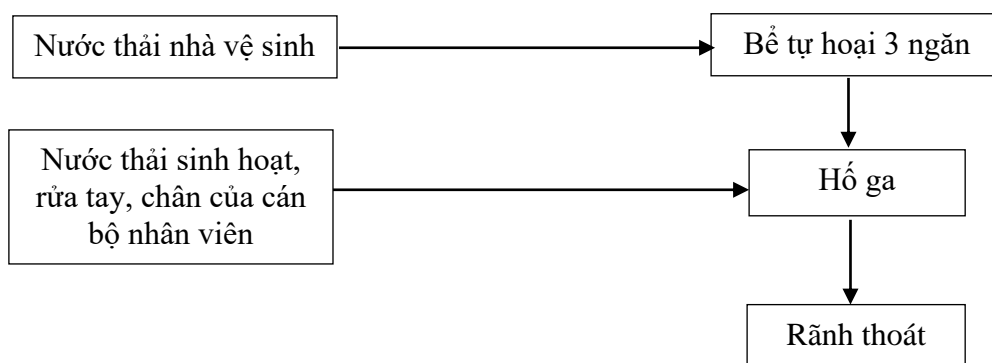
Nước thải sau hố ga được dẫn ra rãnh thoát bằng ống thoát PVC D90.

- Điểm xả nước thải sau xử lý

Điểm xả nước thải sau xử lý là sông Lam tại thôn Đại Quang, xã Quang Vĩnh, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Vị trí xả thải có tọa độ theo VN 2000, KTT 105⁰30', múi chiều 3⁰:

$$X= 2053207; Y= 514289.$$

- Sơ đồ minh họa thu gom, thoát nước thải



Hình 3. 1. Sơ đồ thu gom thoát nước thải

1.3. Xử lý nước thải

Nước thải sinh hoạt của cơ sở phát sinh với lưu lượng 0,5m³/ngày đêm có thành phần ô nhiễm chủ yếu là các chất rắn lơ lửng, các chất hữu cơ được thu gom và xử lý như sau:

a. Nước thải sinh hoạt khu vực nhà vệ sinh

- Nước thải sinh hoạt từ khu nhà vệ sinh được sơ bộ bằng hệ thống bể tự hoại 3 ngăn kết cấu xây bằng gạch trát vữa xi măng, bố trí ngầm: 01 bể kích thước (dài x rộng x cao): 2,0 m x 1,6m x 1,7m = 5,44 m³

Nguyên lý hoạt động của bể tự hoại 3 ngăn:

- Trước tiên, nước thải chảy vào bể chứa phân để lắng các chất cặn lơ lửng có kích thước lớn. Ngăn này có vai trò làm ngăn lắng - lên men kỵ khí, đồng thời điều hòa lưu lượng và nồng độ chất bẩn trong dòng nước thải. Các chất hữu cơ trong nước thải tiếp xúc với các vi sinh vật kỵ khí trong lớp bùn hình thành ở đáy bể và được các vi sinh vật hấp thụ và chuyển hoá thành các chất đơn giản, dễ phân hủy.

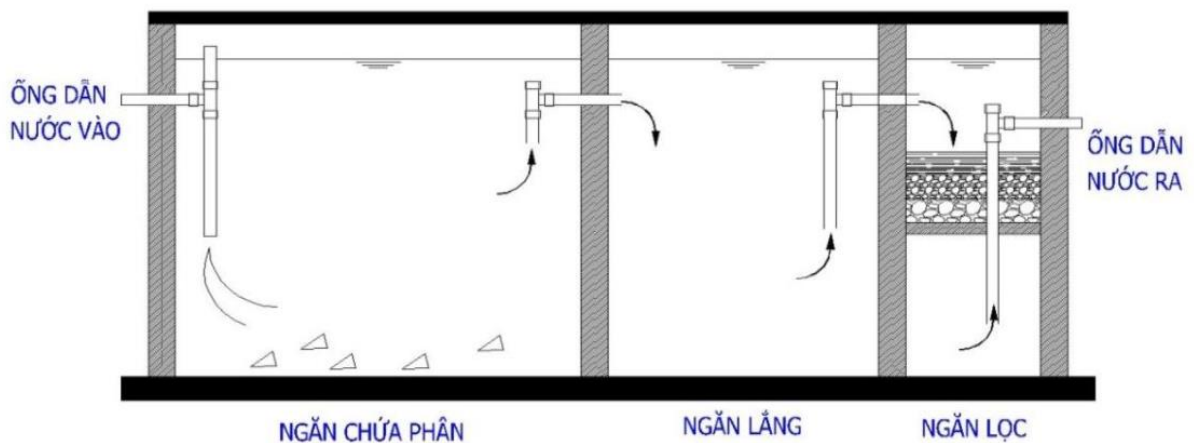
+ Lớp dưới cùng là lớp đá có kích thước 4x6, dày 150 mm;

+ Lớp giữa là lớp đá có kích thước 1x2, dày 150 mm;

+ Lớp trên cùng là lớp than dày 150 mm.

- Tại đây diễn ra quá trình phân hủy sinh học cuối cùng của các chất ô nhiễm có trong nước thải thành các chất đơn giản hơn, hiệu suất xử lý bể tự hoại 3 ngăn ước tính khoảng 70 - 80% đối với BOD và 80 - 90% đối với TSS.

- Sau khi được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn, nước thải tự chảy bằng ống thoát nước PVC D60 ra hố ga 02 ngăn khu vực sinh hoạt sau đó tự chảy ra rãnh thoát nước.



Hình 3. 2. Sơ đồ nguyên lý hoạt động của bể tự hoại 3 ngăn

b. Nước thải sinh hoạt khu sinh hoạt chung

Nước thải khu vực tắm rửa, giặt dũ, nấu ăn được thu gom về 02 hố lắng để tách rác đồng thời lắng các chất lơ lửng trong nước thải.

Hệ thống gồm 02 hố lắng được xây bằng gạch trát vữa xi măng. Kích thước hố thứ nhất $D \times R \times C = 40 \times 40 \times 40 \text{cm}$, hố thứ 02 kích thước $D \times R \times C = 50 \times 50 \times 50 \text{cm}$.

Chức năng hệ thống 02 hố lắng là lắng cặn, các chất rắn lơ lửng trong nước thải dưới tác dụng của trọng lực lắng xuống phần đáy hố, nước thải từ hố thứ nhất tự chảy qua hố thứ 2, sau hố thứ 2 nước thải tự chảy ra rãnh thoát. Rác

thải được vớt thu gom với chất thải sinh hoạt, bùn cát lắng được nạo vét định kỳ.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Khí thải của máy bơm hút cát, khí thải của ghe tàu chở cát và phương tiện đi lại của cán bộ công nhân viên làm việc tại mỏ. Khí thải từ hoạt động đốt cháy nhiên liệu gồm dầu DO và xăng chứa hàm lượng CO, HC, NO_x, SO_x... rất lớn nên con người rất dễ mắc các bệnh về đường hô hấp, bệnh ngoài da, các vấn đề về mắt nếu tiếp xúc với nồng độ cao trong thời gian dài.

Do khí thải với nguồn thải phân tán nên không có công trình thu gom, xử lý khí thải nên đối với khí thải được giảm thiểu bằng các biện pháp như sau:

- Đối với khí thải từ phương tiện ghe tàu chở cát phải đảm bảo đủ điều kiện hoạt động, có giấy chứng nhận hoạt động.

- Đối với máy hút cát phải thường xuyên tiến hành bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên.

3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.1. Chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt tại cơ sở thành phần gồm túi nilon, cốc nhựa, chai nhựa, hộp đựng thức ăn, vỏ trái cây... phát sinh từ quá trình sinh hoạt của công nhân viên làm việc tại khu vực mỏ. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt định mức 0,5kg/người/ngày, với lượng công nhân viên là 5 người thì khối lượng chất thải rắn sinh hoạt là 2,5kg/ngày.

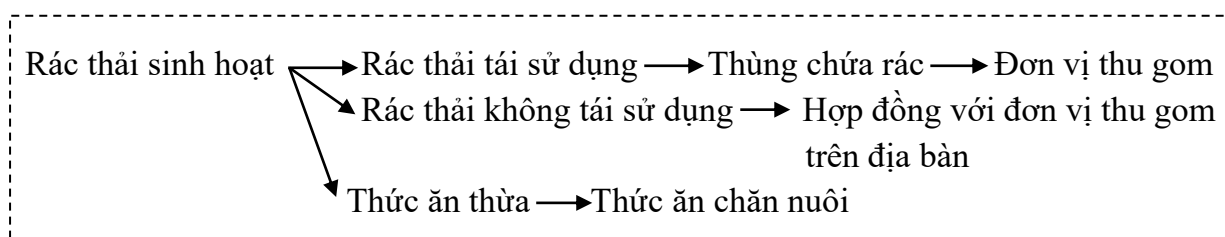
Chất thải rắn sinh hoạt lâu ngày không thu gom sẽ bị phân hủy gây ra mùi hôi thối, khó chịu đồng thời xuất hiện ruồi muỗi, dán, kiến... làm ảnh hưởng đến hoạt động khác của cửa hàng đồng thời ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân viên nếu tiếp xúc trong thời gian dài do đó cần được thu gom, vận chuyển.

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại cơ sở được thu gom xử lý như sau:

- Chất thải phân thành hai loại là tái sử dụng và không tái sử dụng.

- Đối với chất thải sinh hoạt tái sử dụng được trữ trong 01 thùng chứa 60 lít có dán nhãn tái sử dụng, chất thải gom hàng ngày vào túi nilon, định kỳ bán cho người có nhu cầu thu mua 1 tháng/lần.

- Đối với chất thải sinh hoạt không tái sử dụng được trữ trong 01 thùng chứa 60 lít, hàng ngày được thu gom vào cuối ngày, chất thải được đơn vị thu gom trên địa bàn định kỳ hàng ngày thu gom vận chuyển.



Hình 3. 3. Sơ đồ thu gom rác thải sinh hoạt

3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường

Hoạt động khai thác cát ở mỏ cát bãi Nghén và vận chuyển cát từ mỏ đến bãi trữ cát ở xã Xuân Lam, huyện Nghi Xuân không phát sinh hoạt động lưu trữ và vận chuyển cát ở khu vực cơ sở do vậy không phát sinh chất thải rắn công nghiệp thông thường.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Do tại khu vực cơ sở chỉ phát sinh chất thải nguy hại khu vực nhà ở công nhân viên với khối lượng nhỏ, chất thải nguy hại được lưu trong thùng chứa thép dung tích 200 lít, chất thải được hợp đồng thu gom với Công ty CP Xử lý môi trường Nghệ An tại hợp đồng số 240321/HĐ-XLMTNA-ACHAU ngày 21/3/2024.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Hoạt động khai thác cát tại khu vực mỏ gồm hoạt động của thiết bị hút cát, hoạt động của động cơ ghe tàu trên sông gây ra tiếng ồn đến môi trường xung quanh. Các biện pháp áp dụng tại cơ sở như sau:

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy hút cát định kỳ đảm bảo hoạt động của máy.

- Không tiến hành khai thác ngoài khung giờ quy định để tránh ảnh hưởng đến các hộ dân cư cạnh mỏ.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

6.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

- Công ty cam kết thực hiện tốt công tác PCCC và cứu nạn cứu hộ theo phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền và phối hợp tốt với lực lượng PCCC địa phương tập huấn cho nhân viên, người lao động về nghiệp vụ PCCC, khả năng ứng phó khi xảy ra sự cố cháy nổ.

- Mua sắm thiết bị PCCC gồm các loại bình chữa cháy trang bị trên ghe tàu, khu vực nhà nghỉ công nhân viên.

- Bảo quản, lưu trữ nguyên, nhiên liệu đúng quy cách, sử dụng nhiên liệu tiết kiệm, hiệu quả.

6.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

- Ứng phó sự cố đối với nước thải sinh hoạt:

- + Nước thải sinh hoạt phát sinh do công nhân viên làm việc tại khu mỏ phải được thu gom để xử lý.

- + Định kỳ kiểm tra hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt đảm bảo hệ thống hoạt động bình thường.

- + Định kỳ bổ sung các chế phẩm sinh học để tăng hiệu quả xử lý nước thải.

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

7.1. Biện pháp giảm thiểu sự cố sạt lở, sụt lún

- Thực hiện khai thác trong ranh giới mỏ đã được cấp phép.

- Mỏ cát sau khi được khoan định và cấp phép định giới rõ ràng như: đánh dấu trên bờ sông bằng hệ thống phao sơn màu.

- Không chế trữ lượng và độ sâu khai thác theo đúng hồ sơ xin khai thác. Không khai thác tập trung lâu ngày tại một chỗ, tránh khoét sâu đáy sông suối, hồ moong khai thác tại một chỗ dễ tạo các hố xoáy đột biến vì như thế sẽ tạo hàm ếch trong tầng cát.

- Khai thác theo phương pháp cuốn chiều, bóc từng lớp cát từ 1-1,2m, khai thác dọc theo hướng dòng chảy của sông để tránh sự biến đổi dòng chảy.

- Đảm bảo khối lượng khai thác hàng năm theo đúng khối lượng tính toán.

7.2. Đảm bảo an toàn trong quá trình bốc xúc

- Bộ phận lái ghe tàu được đào tạo đủ chuyên môn, có bằng lái do cơ quan thẩm quyền cấp.

- Trên các ghe tàu phải được trang bị đầy đủ các thiết bị, dụng cụ ứng cứu trong trường hợp xảy ra đuối nước như phao cứu hộ, áo phao...

- Có hiệu lệnh trong quy trình hút và bốc xúc cát, đảm bảo vị trí của các công nhân viên để không xảy ra tai nạn lao động.

- Thường xuyên kiểm tra định kỳ máy móc, thiết bị bốc xúc để phòng ngừa rủi ro sự cố.

- Không tiến hành khai thác hay bốc xúc trong thời điểm gió lớn và xảy ra bão để đảm bảo an toàn cho công nhân viên.

7.3. Đảm bảo an toàn vận tải

- Trong quá trình khai thác cát và vận chuyển đến khu vực lưu trữ cát chấp hành các quy định về đảm bảo an toàn vận tải đường sông.

- Giữ khoảng cách đối với các phương tiện trên sông, duy trì vận tốc của ghe tàu để đảm bảo an toàn.

- Thường xuyên quan sát theo dõi các hoạt động vận tải của các phương tiện đường thủy khác khu vực khai thác để có thông tin cảnh báo và giữ các khoảng cách an toàn.

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

1.1. Nguồn thải phát sinh nước thải

Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên làm việc tại cơ sở.

1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa

Nguồn số 01: 0,5 m³/ngày đêm.

1.3. Dòng nước thải

Số lượng dòng nước thải sau khi xử lý được xả ra môi trường tiếp nhận là 01 dòng: Nước thải khu vực nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn dẫn cùng nước thải sinh hoạt khu vệ sinh chung lắng qua hệ thống 02 bể lắng sau đó tự chảy ra rãnh thoát bằng ống nhựa PVD D60.

1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

Thông số và giá trị của các thông số trong nước thải không vượt quá giá trị tối đa cho phép theo QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, K=1,2 (ứng với cơ sở sản xuất, kinh doanh quy mô dưới 500 người), cột B (giá trị của thông số ô nhiễm trong nước thải khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt).

Bảng 4.1. Khối lượng các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008 cột B (K=1,2)
1.	pH	-	5,0 - 9
2.	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	60
3.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120
4.	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.200
5.	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8
6.	Amoni (tính theo N)	mg/l	12
7.	Nitrat (NO ₃ ⁻)(tính theo N)	mg/l	60
8.	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24
9.	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12
10.	Phosphat (PO ₄ ³⁻)(tính theo P)	mg/l	12
11.	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000

1.5. Vị trí phương thức xả thải

+ Vị trí xả nước thải: Tọa độ vị trí xả nước thải (hệ tọa độ VN 2000, kinh

tuyến trục $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°):

STT	Vị trí	Tọa độ VN2000	
		X (m)	Y (m)
1	Tọa độ điểm xả nước thải	2053207	514289

+ Phương thức xả nước thải: tự chảy

Nước thải sau xử lý được chảy ra hệ thống thoát nước của khu vực.

+ Chu kỳ xả thải: gián đoạn.

+ Thời gian xả thải: 10h/ngày.

+ Chất lượng nước thải: Nước thải từ hoạt động sinh hoạt sau khi được xử lý qua bể tự hoại đạt cột B của QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, hệ số $K=1,2$.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn

Hoạt động khai thác cát tại mỏ.

3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn

Khu vực dịch vụ mỏ khai thác. Tọa độ $X(m)= 2053886$; $Y(m)= 593350$ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).

3.3. Tiêu chuẩn tiếng ồn

Tiếng ồn phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - QCVN 26:2010/BTNMT, cụ thể như sau:

TT	Từ 6 - 21 giờ (dBA)	Từ 21 - 6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	55	45	Khu vực đặc biệt
2	70	55	Khu vực thông thường

CHƯƠNG V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

Kết quả quan trắc nước thải 6 tháng đầu năm 2023:

Bảng 5. 1. Kết quả quan trắc nước thải

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 14:2008 (cột B, C _{max} , K=1,2)
1.	pH*	-	6,9	5-9
2.	Độ cứng	mg/l	145	-
3.	TSS	mg/l	28	120
4.	COD	mg/l	35,8	-
5.	BOD ₅	mg/l	18,5	60
6.	Fe	mg/l	0,19	-
7.	Dầu mỡ	mg/l	<0,3	24

Kết quả quan trắc nước thải 6 tháng cuối năm 2023:

Bảng 5. 2. Kết quả quan trắc nước thải

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 14:2008 (cột B, C _{max} , K=1,2)
1.	pH*	-	6,8	5-9
2.	Độ cứng	mg/l	155,7	-
3.	TSS	mg/l	29	120
4.	COD	mg/l	37,5	-
5.	BOD ₅	mg/l	17,4	60
6.	Fe	mg/l	0,25	-
7.	Dầu mỡ	mg/l	<0,3	24

Nhận xét: Nước thải của cơ sở có các thông số đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B, hệ số K=1,2.

2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải

Kết quả quan trắc môi trường không khí 6 tháng đầu năm 2023:

Bảng 5. 3. Kết quả quan trắc nước thải

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 05:2023
			K1	K2	

1.	Độ ồn	dBA	60,5	62,6	70*
2.	Bụi	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	177	195	300
3.	CO	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	3.150	3.161	30.000
4.	NO ₂	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	48	41	200
5.	SO ₂	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	55	49	350

Kết quả quan trắc nước thải 6 tháng cuối năm 2023:

Bảng 5. 4. Kết quả quan trắc nước thải

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 05:2023
			K1	K2	
1.	Độ ồn*	dBA	58,9	60,5	70*
2.	Bụi	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	188	192	300
3.	CO	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	3.236	3.352	30.000
4.	NO ₂	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	45	51	200
5.	SO ₂	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	56	48	350

Nhận xét: Kết quả quan trắc môi trường không khí xung quanh tại 02 điểm của cơ sở cho thấy các thông số đều thấp hơn giới hạn cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường không khí xung quanh và độ ồn thấp hơn so với QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (khu vực thông thường từ 6 giờ đến 21 giờ).

CHƯƠNG VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Trên cơ sở các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở, chủ cơ sở tự rà soát và đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn hoạt động, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Căn cứ Điểm g, Khoản 1, Điều 31 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường trong đó quy định công trình xử lý chất thải không phải thực hiện vận hành thử nghiệm bao gồm “Công trình xử lý chất thải của các đối tượng quy định tại Khoản 2, Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường khi đề nghị cấp, điều chỉnh giấy phép môi trường”.

Tại khu vực cơ sở nước thải sinh hoạt được xử lý qua hệ thống bể tự hoại và bể lắng lọc ngoài ra không phát sinh nguồn nước thải nào khác, do vậy cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

2. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

a. Quan trắc nước thải

Công trình không có quy mô thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ.

Căn cứ khoản 1, điều 97 và Phụ lục số XXVIII, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, quy định về hoạt động quan trắc nước thải, dự án không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, phát sinh nước thải dưới 500 m³/ngày (24 giờ) thì không phải thực hiện quan trắc định kỳ nước thải. Như vậy, dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ nước thải.

b. Quan trắc khí thải

Công trình không có quy mô thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ.

Căn cứ khoản 1, điều 97 và Phụ lục số XXIX, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, quy định về hoạt động quan trắc khí thải, dự án không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, phát sinh khí thải dưới 50.000 m³/giờ thì không phải thực hiện quan trắc định kỳ khí thải. Như vậy, dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ khí thải.

c. Quan trắc chất thải rắn thông thường

- Vị trí quan trắc: Tại khu vực tập kết lưu giữ chất thải rắn thông thường.
- Thông số quan trắc: khối lượng, công tác quản lý và kiểm soát việc lưu

giữ, giao xử lý chất thải rắn.

- Căn cứ pháp luật: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

d. Quan trắc chất thải nguy hại

- Vị trí quan trắc: Tại kho lưu giữ chất thải nguy hại.

- Thông số quan trắc: khối lượng, chủng loại, công tác quản lý và kiểm soát việc lưu giữ, giao xử lý chất thải rắn nguy hại.

- Căn cứ pháp luật: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Theo Quy định tại Điều 97 và Phụ lục số XXVIII, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ thì dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục nước thải.

Theo quy định tại Điều 98 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Điều 9 Mục II của Phụ lục số XXIX Nghị định số 08/2022/NĐ-CP thì dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục khí thải công nghiệp.

CHƯƠNG VII
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA
VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong 2 năm gần nhất, cơ sở không có các đoàn thanh tra kiểm tra tuy nhiên cơ sở vẫn chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, sẵn sàng phối hợp xử lý các tác động môi trường gây ra trong giai đoạn vận hành của cơ sở.

CHƯƠNG VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Công ty Cổ phần Tư vấn và Thương mại Á Châu cam kết:

- Các thông tin, số liệu được nêu trong hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường là chính xác, trung thực. Nếu có gì sai trái chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

- Thực hiện nghiêm túc các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường nhằm bảo đảm đạt các quy định, Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam, bao gồm:

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
2. Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường như đã nêu ra trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường này sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;
3. Phòng ngừa, hạn chế các tác động xấu đối với môi trường từ các hoạt động liên quan đến Cơ sở;
4. Khắc phục ô nhiễm môi trường do các hoạt động của Cơ sở gây nên;
5. Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho cán bộ, công nhân trong quá trình làm việc;
6. Nếu để xảy ra sự cố môi trường sẽ thực hiện các biện pháp sau để xử lý:
 - Điều tra, xác định phạm vi, giới hạn, mức độ, nguyên nhân, biện pháp khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường;
 - Tiến hành ngay các biện pháp để ngăn chặn, hạn chế nguồn gây ô nhiễm môi trường và hạn chế sự lan rộng, ảnh hưởng đến sức khỏe và đời sống của nhân dân trong vùng;
 - Thực hiện các biện pháp khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường và các quy định pháp luật liên quan khác;
 - Chịu mọi trách nhiệm về hậu quả đối với cộng đồng khu vực xung quanh nếu để xảy ra sự cố môi trường.
7. Tuân thủ các quy chuẩn thải theo quy định và thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường
8. Cam kết thực hiện các nghĩa vụ công khai giấy phép môi trường và cung cấp thông tin liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.
9. Chấp hành nghiêm các quy định của nhà nước, địa phương về công tác PCCC và CNCH.

10. Thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 46 Luật bảo vệ môi trường 2020 và quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 3000417092

Đăng ký lần đầu: ngày 17 tháng 09 năm 2007

Đăng ký thay đổi lần thứ: 13, ngày 24 tháng 07 năm 2018

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG Á CHÂU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ASIA CONSTRUCTION AND
CONSULTACY JSC

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

(Thay đổi lần 11) đường Hà Hoàng, xóm Đoài Thịnh, Xã Thạch Trung, Thành phố Hà
Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam

Điện thoại: 0393.691868 / 09082672345

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Mười tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 1.000.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: HOÀNG HỮU LONG

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 20/08/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 183304874

Ngày cấp: 05/09/2005

Nơi cấp: Công An Hà Tĩnh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Văn Lâm, Xã Đức Lâm, Huyện Đức Thọ, Tỉnh
Hà Tĩnh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Xóm Văn Lâm, Xã Đức Lâm, Huyện Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt
Nam

Số CT: 7111..... Quyển số: 01 CT/BS

NGÀY 08 -10- 2019

UBND XÃ THẠCH TRUNG TP HÀ TĨNH



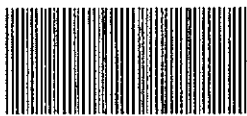
Nguyễn Đức Hiền

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Duy Trà

Số:



10973/17

GIẤY XÁC NHẬN

Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Phòng Đăng ký kinh doanh: *Tỉnh Hà Tĩnh*

Địa chỉ trụ sở: *Khu đô thị Bắc Nguyễn Du, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam*

Điện thoại: *02393 881263*

Fax:

Email: *phongdkkdht@gmail.com*

Website:

Xác nhận:

Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG Á CHÂU**

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: **3000417092**

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:

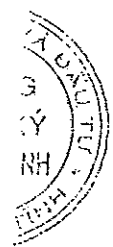
STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, giao thông, thủy lợi, điện Khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn; Lập dự án đầu tư xây dựng công trình; Tư vấn khảo sát lập dự án, thiết kế các công trình hạ tầng kỹ thuật; Thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, tổng dự toán công trình; Tư vấn thiết kế, giám sát công trình cấp thoát nước; Tư vấn lựa chọn nhà thầu; Tư vấn quy hoạch; Đo đạc bản đồ địa chính; tư vấn về đo đạc, đánh giá tài nguyên rừng. Tư vấn thiết kế mỏ, đánh giá tác động môi trường DTM; tư vấn lập dự án đầu tư mỏ; Tư vấn thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 35 kv; (bổ sung 9) Tư vấn thiết kế lắp đặt phương án trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy.	7110(Chính)
2	Xây dựng nhà các loại	4100



STT	Tên ngành	Mã ngành
3	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng. (bổ sung lần 9) Kinh doanh và lắp đặt phương tiện, thiết bị phòng cháy, chữa cháy.	4663
4	Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước chi tiết: Khoan thăm dò đánh giá trữ lượng, chất lượng tài nguyên khoáng sản, mỏ vật liệu.	71103
5	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày chi tiết: Kinh doanh khách sạn.	5510
6	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động chi tiết: Kinh doanh nhà hàng ăn uống.	5610
7	Bán buôn tổng hợp Chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu các mặt hàng: nông, lâm, thủy hải sản, hàng điện tử, điện lạnh.	4690
8	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
9	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
10	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Xây dựng công trình thủy lợi, cấp thoát nước; Xây dựng trạm điện và đường dây điện 35Kv trở xuống.	4290
11	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông (cầu, đường, cống).	4210
12	(Lưu ý: Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động khi có đầy đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; MSDN đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	HOÀNG HỮU LONG	Xóm Văn Lâm, Xã Đức Lâm, Huyện Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam	Tổng số	500.000	5.000.000.000	50	183304874	
			Cổ phần phổ thông	500.000	5.000.000.000	50		
2	PHAN THỊ CHÂU	Tổ 02, khối 5, Phường Nam Hồng, Thị xã Hồng Lĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	300.000	3.000.000.000	30	B6638475	
			Tổng số	300.000	3.000.000.000	30		
3	NGUYỄN VĂN KHANG	Thôn 8, Xã Đức Long, Huyện Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	20	183477217	
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	20		



Nơi nhận:

- CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG Á CHÂU. Địa chỉ: (Thay đổi lần 11) đường Hà Hoàng, xóm Đoài TỈNH XÃ THẠCH TRUNG, THÀNH PHỐ HÀ TĨNH, TỈNH HÀ TĨNH, VIỆT NAM

- Lưu: Trần Viết Sao.....

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

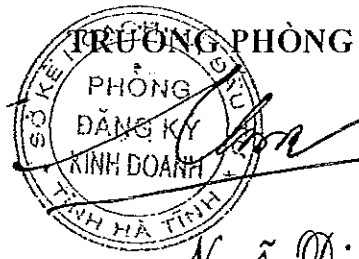
SỐ CT 41.9 Quyền số: 01 CT/BS

NGÀY 08 - 10 - 2019

UBND XÃ THẠCH TRUNG TP HÀ TĨNH
CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Hiền



Nguyễn Duy Trà

Số: 454/TB-UBND-TN

Đức Thọ, ngày 25 tháng 3 năm 2014

THÔNG BÁO

Về việc chấp nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường của dự án
“Khai thác cát xây dựng tại khu vực Bãi Nghẽn, xã Đức Quang, huyện Đức Thọ”

Sau khi xem xét hồ sơ đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường của Dự án “Khai thác cát xây dựng tại khu vực Bãi Nghẽn, xã Đức Quang, huyện Đức Thọ”, Ủy ban nhân dân huyện Đức Thọ thông báo như sau:

1. Bản cam kết bảo vệ môi trường của Dự án “Khai thác cát xây dựng tại khu vực Bãi Nghẽn, xã Đức Quang” đã được đăng ký tại Ủy ban nhân dân huyện Đức Thọ.
2. Công ty cổ phần Tư vấn và Xây dựng Á Châu có trách nhiệm thực hiện đúng và đầy đủ những nội dung nêu trong Bản cam kết bảo vệ môi trường.
3. Bản cam kết bảo vệ môi trường được đăng ký và Thông báo này là căn cứ để các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai thực hiện Dự án “Khai thác cát xây dựng tại khu vực Bãi Nghẽn, xã Đức Quang”.
4. Công ty cổ phần Tư vấn và Xây dựng Á Châu phải báo cáo với UBND huyện Đức Thọ khi có những thay đổi, điều chỉnh nội dung bản cam kết bảo vệ môi trường và chỉ được thực hiện khi có sự chấp nhận bằng văn bản của UBND huyện Đức Thọ.

Nơi nhận:

- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- UBND xã Đức Quang;
- Cty CP TV&XD Á Châu;
- Lưu: VT/UBND *hjt*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Hữu Bé

UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO

Số: 4M /GP-UBND

Hà Tĩnh, ngày 15 tháng 02 năm 2016

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản; Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 431/QĐ-UBND ngày 06/02/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch điều chỉnh, bổ sung phân vùng thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm VLXD thông thường trên địa bàn tỉnh đến năm 2020; Quyết định số 672/QĐ-UBND ngày 14/02/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kết quả khoan định khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 3264/QĐ-UBND ngày 18/10/2013 của UBND tỉnh về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản cát xây dựng trong "Báo cáo thăm dò khoáng sản cát xây dựng tại khu vực Bãi Nghén, xã Đức Quang, huyện Đức Thọ"; Quyết định số 4686/QĐ-UBND ngày 04/12/2015 của UBND tỉnh về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ cát xây dựng tại khu vực Bãi Nghén, xã Đức Quang, huyện Đức Thọ; Quyết định số 227/QĐ-UBND ngày 25/01/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt giá trị tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với mỏ cát xây dựng tại khu vực Bãi Nghén, xã Đức Quang, huyện Đức Thọ;

Xét Đơn và hồ sơ đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản ngày 11/01/2016 của Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Á Châu;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 133/STNMT-KS ngày 18/01/2016 (kèm theo hồ sơ),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Á Châu khai thác cát xây dựng bằng phương pháp lộ thiên tại mỏ cát xây dựng khu vực Bãi Nghén, xã Đức Quang, huyện Đức Thọ, như sau:

1. Diện tích khu vực khai thác: 4,5ha, được giới hạn bởi các điểm góc: 1, 2, 3, 4, 5; 6 có tọa độ xác định trên Phụ lục số 01 và Phụ lục số 02 (bản đồ khu vực khai thác khoáng sản) kèm theo Giấy phép này.

2. Mức sâu khai thác: - 04m.

3. Trữ lượng:

- Trữ lượng địa chất: 179.912m³.

- Trữ lượng khai thác: 147.280m³.

4. Công suất khai thác: 12.000m³ nguyên khối/năm.

5. Thời hạn khai thác: 14 (mười bốn) năm, kể từ ngày ban hành Giấy phép này.

Điều 2. Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Á Châu có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản: 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng chẵn - Theo Thông tư số 129/2011/TT-BTC ngày 15/9/2011 của Bộ Tài chính).

2. Tiến hành hoạt động khai thác mỏ cát xây dựng theo đúng tọa độ, diện tích, mức sâu, trữ lượng, công suất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

3. Trước khi tiến hành khai thác, phải nộp Thiết kế mỏ được lập, thẩm định, phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật cho Sở Tài nguyên và Môi trường và Sở Xây dựng; báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra tại thực địa về việc xác định tọa độ, mặt bằng khai thác và cắm mốc giới phạm vi khu vực được phép khai thác; phải thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất, thuê đất theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện đầy đủ nội dung theo Bản cam kết bảo vệ môi trường và Đề án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án "Đầu tư khai thác và chế biến cát xây dựng khu vực Bãi Nghén, xã Đức Quang, huyện Đức Thọ" đã được UBND huyện Đức Thọ xác nhận và Sở Tài nguyên Môi trường phê duyệt; các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

5. Trong quá trình khai thác, phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn kỹ thuật, an toàn công trình mỏ; phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan về an toàn trong khai thác mỏ;

Phải thu hồi tối đa sản phẩm khai thác từ mỏ và các sản phẩm khác (nếu có); báo cáo đúng sản lượng khai thác, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

6. Việc quản lý, sử dụng các sản phẩm khai thác phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hiện hành và đúng theo quy định tại Phụ lục số 03 Giấy phép này.

7. Thường xuyên thực hiện việc kiểm soát các khu vực khai thác, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật;

Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản

cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện việc đóng cửa mỏ; phục hồi môi trường, đất đai và trả lại đất sau khai thác; báo cáo định kỳ trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác có liên quan.

9. Thực hiện hồ sơ nâng công suất khai thác trước năm 2020 theo cam kết của công ty tại Văn bản ngày 13/01/2016.

Điều 3. Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Á Châu chỉ được phép tiến hành khai thác sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này; ký hợp đồng thuê đất, ký Quỹ cải tạo phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật; nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng hồ sơ Thiết kế mỏ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; đăng ký ngày bắt đầu khai thác, thông báo Giám đốc điều hành mỏ, Kế hoạch khai thác, chế biến tại cơ quan chức năng của Nhà nước.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ban hành;

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Đức Thọ, Chủ tịch UBND xã Đức Quang, Thủ trưởng các cơ quan liên quan và Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Á Châu chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Tổng cục Địa chất và Khoáng sản VN;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Các Sở: XD, NN và PTNT, KHĐT, LĐTB và XH;
- Phó VP/UB phụ trách NN;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, NL₂.

Gửi: +VB giấy: STNMT và TP không nhận VB ĐT;
+ Điện tử: Các thành phần khác.



Lê Đình Sơn

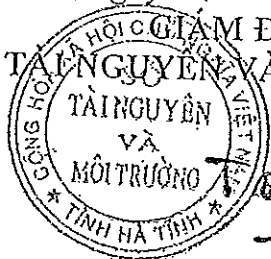
Giấy phép khai thác khoáng sản này đã được đăng ký nhà nước tại Sở Tài nguyên và Môi trường

Số đăng ký: 04... ĐK/KT

Hà Tĩnh, ngày 26 tháng năm 2016

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

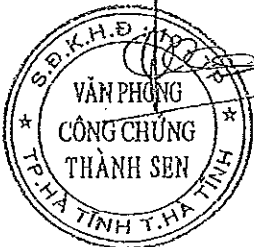
Số chứng thực...b.3.6.6...quyển số.C.1.....SCT/SỞ



Vũ Đức Dĩnh

25-04-2017

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG THÀNH SEN
CÔNG CHỨNG VIÊN



Phan Quốc Mạnh

Số: 120/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 01 tháng 4 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thu hồi đất và cho thuê đất sử dụng vào mục đích
đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 744/QĐ-UBND ngày 02/3/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2015 huyện Đức Thọ;

Xét Đơn xin thuê đất lập ngày 20/02/2016 (kèm hồ sơ) của Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Á Châu; đề nghị của UBND huyện Đức Thọ tại Tờ trình số 326/TTr-UBND-TN ngày 04/3/2016, của UBND xã Đức Quang tại Tờ trình số 02/TTr-UBND ngày 03/3/2016 và của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 633 /STNMT-QHGD ngày 28/03/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. - Thu hồi 11.537,4m² đất (Mười một nghìn năm trăm ba mươi bảy phẩy bốn mét vuông đất) tại khu vực Bãi Nghén, xã Đức Quang, huyện Đức Thọ; loại đất sông, suối do UBND xã Đức Quang quản lý;

- Cho Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Á Châu (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 3000417092 do phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 19/5/2015; địa chỉ trụ sở chính: Xóm Đoài Thịnh, xã Thạch Trung, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh) thuê 45.000m² đất (Bốn mươi lăm nghìn mét vuông đất), bao gồm: 33.462,6m² đất bằng chưa sử dụng do UBND xã Đức Quang quản lý và toàn bộ diện tích đất thu hồi trên để sử dụng vào mục đích đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm (khai thác cát xây dựng).

Thời hạn thuê đất: Kể từ ngày ban hành Quyết định cho thuê đất đến ngày 15/02/2030 (theo thời hạn của Giấy phép khai thác khoáng sản số 411/GP-UBND ngày 15/02/2016 của UBND tỉnh).

Hình thức sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

Vị trí, ranh giới khu đất thu hồi và cho thuê được xác định theo Sơ đồ khu đất do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện Đức Thọ lập ngày 04/3/2016 (kèm theo Tờ trình số 326/TTr-UBND-TN ngày 04/3/2016 của UBND huyện Đức Thọ), Mảnh trích đo địa chính số 01-2016 do Văn phòng

Đăng ký quyền sử dụng đất Hà Tĩnh lập ngày 10/3/2016 và Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản: - tỷ lệ 1/10.000 (kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 411/GP-UBND ngày 15/02/2016 của UBND tỉnh), đăng ký Nhà nước tại Sở Tài nguyên và Môi trường ngày 26/02/2016.

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này:

- Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Á Châu có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ và được hưởng các quyền lợi của người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai và các quy định khác của pháp luật hiện hành; nếu sau thời hạn 12 tháng liên tục mà không đưa đất vào sử dụng kể từ khi nhận bàn giao đất trên thực địa thì UBND tỉnh sẽ thu hồi đất mà không bồi thường về đất và không hoàn trả các chi phí đầu tư đã thực hiện.

- Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm: Thông báo cho cơ quan Thuế để xác định nghĩa vụ tài chính, ký Hợp đồng thuê đất với Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Á Châu; chủ trì, phối hợp với UBND huyện Đức Thọ, UBND xã Đức Quang và các cơ quan có liên quan xác định cụ thể mốc giới, bàn giao đất trên thực địa cho Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Á Châu; chỉ đạo Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất trực thuộc thực hiện việc cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định; định kỳ phối hợp với chính quyền địa phương kiểm tra việc sử dụng đất của Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Á Châu để kịp thời tham mưu cho UBND tỉnh xử lý nghiêm các vi phạm theo đúng quy định của pháp luật.

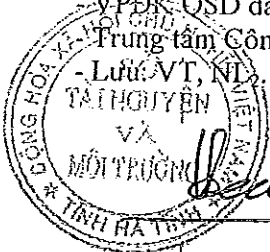
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Đức Thọ, Chủ tịch UBND xã Đức Quang, Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Á Châu và thủ trưởng các cơ quan, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó VP/UB (theo dõi nông lâm);
- VPĐK-QSD đất Hà Tĩnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;

- Lưu: VT, KT,
TÀI NGUYÊN
VÀ
MÔI TRƯỜNG



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**


Lê Đình Sơn

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ
XÂY DỰNG Á CHÂU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /CV-CT

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2016

*“V/v đăng ký ngày bắt đầu khai thác
mỏ cát Bãi Nghèn, Xã Đức Quang,
Huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh ”*

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh
- Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Tĩnh
- Ủy ban nhân dân huyện Đức Thọ
- Ủy ban nhân dân xã Đức Quang

- Căn cứ luật khoáng sản số 60/2010/QH 12 ngày 17 tháng 11 năm 2010.

- Căn cứ Giấy phép khai thác số 411/GP-UBND ngày 15 tháng 02 năm 2016 của UBND tỉnh Hà Tĩnh cho phép Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Á Châu được khai thác tại mỏ cát Bãi Nghèn, Xã Đức Quang, Huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

- Căn cứ quyết định số 820/QĐ-UBND ngày 01 tháng 04 năm 2016 “Về việc thu hồi đất và cho thuê đất sử dụng vào mục đích đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm” và cho Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Á Châu thuê đất.

Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Á Châu xin được báo cáo ngày hoạt động khai thác tại mỏ cát Bãi Nghèn, Xã Đức Quang, Huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh như sau:

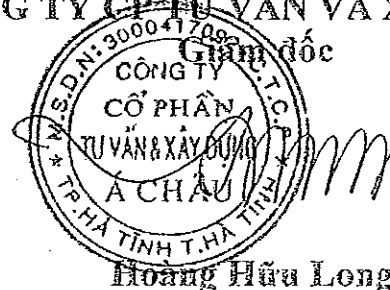
Ngày bắt đầu hoạt động khai thác: Ngày 01 tháng 04 năm 2016

Công ty xin trân trọng báo cáo tới cơ quan liên quan được biết.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: CT.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XD Á CHÂU



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 326/L/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 18 tháng 10 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản cát xây dựng trong
“Báo cáo thăm dò khoáng sản tại khu vực Bãi Nghén,
xã Đức Quang, huyện Đức Thọ”
(Trữ lượng tính đến ngày 31/8/2013)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 06/2006/QĐ-BTNMT ngày 07/6/2006 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn;

Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số 1594/GP-UBND ngày 05/6/2013 của UBND tỉnh cấp cho Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Á Châu thăm dò mỏ cát xây dựng tại khu vực bãi Nghén, xã Đức Quang, huyện Đức Thọ;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 2588/STNMT-KS ngày 14/10/2013 về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản cát xây dựng trong Báo cáo thăm dò khoáng sản cát xây dựng tại khu vực bãi Nghén, xã Đức Quang, huyện Đức Thọ (kèm theo Biên bản thẩm định đề án thăm dò khoáng sản ngày 08/9/2013 của Hội đồng xét duyệt đề án thăm dò mỏ cát xây dựng tại khu vực bãi Nghén, xã Đức Quang, huyện Đức Thọ);

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt trữ lượng khoáng sản mỏ cát xây dựng trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản cát xây dựng tại khu vực bãi Nghén, xã Đức Quang, huyện Đức Thọ” như sau:

1.1. Các khoáng sản chính (cát xây dựng):

Tổng trữ lượng cấp 121+122:	179.912 m ³ ;
Trong đó:	- Cấp 121: 136.208 m ³ ;
	- Cấp 122: 36.704 m ³ .

1.2. Các khoáng sản đi kèm: Không.

Điều 2. Các tài liệu của Báo cáo được sử dụng để lập báo cáo nghiên cứu khả thi về khai thác và giao nộp lưu trữ địa chất.

Trong quá trình khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản cần xem xét các ý kiến kết luận của Hội nghị thẩm định Báo cáo thăm dò khoáng sản.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành;

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các cơ quan liên quan và Giám đốc Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Á Châu chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: Số chứng thực..... Quyền.....

- Như Điều 3;

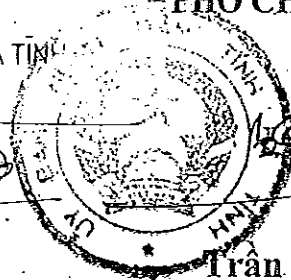
- Lưu: VT, CN. NGÀY 03-12-2013

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

UBND XA THẠCH LẠC THẠCH HÀ - HÀ TĨNH



Trần Minh Kỳ

HỒ VĂN THOAN

Số: 95 /QĐ-STNMT

Hà Tĩnh, ngày 28 tháng 4 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đề án cải tạo, phục hồi môi trường của mỏ cát xây dựng tại bãi Nghén, xã Đức Quang, huyện Đức Thọ

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ TĨNH

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29/11/2005;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Quyết định số 18/2013/QĐ-TTg ngày 29/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ về cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 34/2009/TT-BTNMT ngày 31/12/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về lập, phê duyệt, kiểm tra xác nhận Dự án cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 33/2008/QĐ-UBND ngày 18/9/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định Đề án cải tạo, phục hồi môi trường của mỏ cát xây dựng tại bãi Nghén, xã Đức Quang, huyện Đức Thọ được thành lập theo Quyết định số 47/QĐ-STNMT ngày 04/3/2014 của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét nội dung Đề án cải tạo phục hồi môi trường của mỏ cát xây dựng tại bãi Nghén, xã Đức Quang, huyện Đức Thọ đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo Văn bản giải trình số 112/CV-CT ngày 18/4/2014 của Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Á Châu;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Đề án cải tạo phục hồi môi trường của mỏ cát xây dựng tại bãi Nghén, xã Đức Quang, huyện Đức Thọ của Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Á Châu (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chính như sau:

a) Phương án cải tạo, phục hồi môi trường:

+ Đối với khu vực mỏ: Tháo dỡ các máy móc, thiết bị phục vụ khai thác; đóng cọc tre dọc bờ mỏ cạnh 1-6 với chiều dài là 250m, thành 2 hàng so le nhau,

khoảng cách giữa các hàng là 0,2 m, giữa các cọc là 0,3 m, chiều dài mỗi cọc là 4m; làm biển báo nguy hiểm cạnh 1-6;

+ Đối với khu vực bãi tập kết: tháo dỡ các công trình đã xây dựng, đổ đất hữu cơ san gạt với chiều dày 0,3m để trồng hoa màu.

+ Đối với các công trình ngoài phạm vi mỏ: cải tạo tuyến đường vào bãi tập kết theo phương án đã nêu trong Đề án cải tạo, phục hồi môi trường.

b) Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là: **180.885.000 đồng**

(Một trăm tám mươi triệu, tám trăm tám mươi lăm ngàn đồng chẵn)

- Số lần ký quỹ: 14 lần (mỗi năm 01 lần)

+ Lần 1, số tiền: **36.182.000 đồng** (bằng 20% tổng số tiền ký quỹ) được thực hiện trước khi tiến hành hoạt động khai thác 30 ngày.

+ Việc ký quỹ 13 lần tiếp theo (từ lần thứ 2 đến lần thứ 14) phải thực hiện trước ngày 31 tháng 01 các năm tiếp theo, với số tiền là **11.131.000 đồng/lần**.

- Địa chỉ ký quỹ: Tài khoản số: 3700201004222 thuộc Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Tĩnh.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường, những nội dung đã được nêu trong Đề án cải tạo, phục hồi môi trường và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

1. Trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường phải áp dụng các giải pháp thi công phù hợp để đảm bảo các chỉ tiêu về tiếng ồn, độ rung, bụi, khí thải, nước thải nằm trong giới hạn cho phép theo tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia hiện hành; giảm thiểu khả năng xói lở bờ sông ở những khu vực diễn ra các hoạt động của Đề án.

2. Thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải rắn bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định tại Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09/4/2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn và Thông tư 12/2011/TT-BTNMT ngày 14/4/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quản lý chất thải nguy hại trong suốt quá trình thực hiện dự án.

3. Thực hiện chương trình quan trắc, giám sát môi trường như đã nêu trong Đề án cải tạo phục hồi môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để theo dõi kiểm tra.

4. Báo cáo tình hình thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 30 tháng 11 hằng năm;

5. Duy tu, bảo trì các công trình cải tạo, phục hồi môi trường theo Đề án cải tạo phục hồi môi trường được phê duyệt; bản giao các công trình cải tạo, phục hồi môi trường cho địa phương quản lý theo quy định.

6. Sau khi đã hoàn thành việc cải tạo, phục hồi môi trường, phải lập hồ sơ gửi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Đề án cải tạo phục hồi môi trường để đề nghị xác nhận việc hoàn thành các nội dung cải tạo, phục hồi môi trường.

Điều 3. Chủ Dự án phải tuân thủ nghiêm túc công tác bảo vệ môi trường trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường, chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện các nội dung Đề án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt theo các yêu cầu của Quyết định này và Thông tư số 34/2009/TT-BTNMT quy định về lập, phê duyệt, kiểm tra, xác nhận Dự án cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản.

Điều 4. Đề án cải tạo phục hồi môi trường của mỏ cát xây dựng tại bãi Nghén, xã Đức Quang, huyện Đức Thọ và những yêu cầu bắt buộc tại Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, xác nhận việc thực hiện công tác ký quỹ và cải tạo, phục hồi môi trường của Chủ dự án.

Điều 5. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có những thay đổi về nội dung Đề án cải tạo, phục hồi môi trường được phê duyệt, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo cơ quan có thẩm quyền và chỉ được thực hiện những thay đổi đó sau khi có văn bản chấp thuận của Sở Tài nguyên và Môi trường.

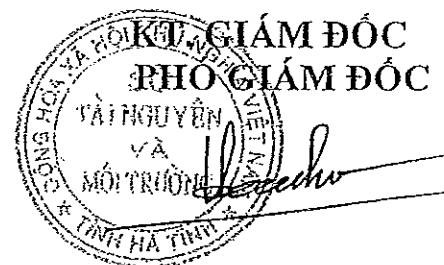
Điều 6. Giao Chi cục Bảo vệ Môi trường chủ trì, phối hợp UBND huyện Đức Thọ, các cơ quan liên quan và chính quyền địa phương kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung cải tạo, phục hồi môi trường nêu trong Đề án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt; công tác bảo vệ môi trường trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường và các yêu cầu tại Điều 2, Điều 3 của Quyết định này.

Điều 7. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường, Chủ tịch UBND huyện Đức Thọ, Chủ tịch UBND xã Đức Quang, Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Á Châu (Chủ dự án) và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

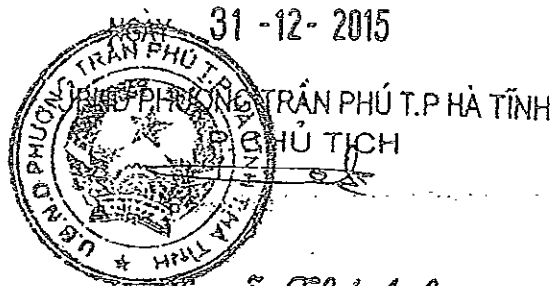
Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- GD, PGD phụ trách;
- Lãnh đạo CCMT;
- Lưu: VT, CCMT.



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực.....Quyển

Nguyễn Hùng Mạnh



Nguyễn Thế Anh

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số 01/hdkt

V/ việc thu gom rác thải năm 2024.

- Căn cứ vào luật hợp đồng kinh tế của nhà nước
- Căn cứ vào tình hình thực tế rác thải được thu gom.
- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của 2 bên

Hôm nay ngày 01 tháng 11 năm 2023

Tại văn phòng HTX DV Môi Trường xã Quang Vĩnh

Bên A – Bên giao hợp đồng: CTY CP TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG Á CHÂU

Người Đại diện : Hoàng Hữu Long Chức vụ: Giám Đốc

- Địa chỉ: Đường Hà Hoàng – xóm Đoài Thịnh - thị xã Thạch Trung – Tp. Hà Tĩnh
- SĐT cty.: 0982.672345

Bên B – Bên nhận Hợp Đồng: HỢP TÁC XÃ DV MÔI TRƯỜNG Đức Vĩnh

- Ông Hoàng Xuân Thỏa Chức vụ: Giám Đốc HTX

Địa chỉ: Thôn Vĩnh Đại – xã Quang Vĩnh – Đức Thọ - Hà Tĩnh

Hai bên cùng nhau bàn bạc thống nhất ký kết hợp đồng kinh tế với những điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung hợp đồng.

Bên B đồng ý nhận thu gom rác thải sinh hoạt cho bên A

Bên A có trách nhiệm phân loại rác thải các loại rác *phân hủy* và *không phân hủy* trước khi đưa ra cho bên B thu gom

Lịch thu gom: Bên B thu gom rác thải vào thứ 5 hàng tuần

Bên A chi trả phí thu gom theo hàng tháng, mỗi tháng 300.000đ/tháng

Bên A chi trả phí thu gom 6 tháng/lần, năm chi trả 2 lần:

Tổng số tiền: 3.600.000đ

(Số tiền bằng chữ: Ba triệu, sáu trăm nghìn đồng.)

Điều II: Địa điểm thi thu gom tại công thi công của công trường

Mỏ cát Đại Quang – Quang Vĩnh

Điều III: Tiến độ và nghiệm thu công việc hoàn thành

Ngày bắt đầu hợp đồng: Ngày .01. tháng 11. năm 2023

Ngày hoàn thành: ngày 01 tháng 11 năm 2024

Điều IV: Giá trị và hình thức thanh toán

Thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản

Thời gian thanh toán chậm nhất đến ngày 30. tháng11.... năm 2024

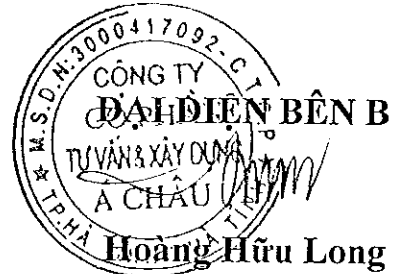
Sau khi hoàn thành công việc Ban đi nghiệm thu và thanh lý hợp đồng, đảm bảo tiến độ cũng như chất lượng công việc, thì bên B thanh toán số tiền theo hợp đồng đã ký kết.

Điều V- Cam kết chung

Ngay sau khi bàn giao khối lượng đã hoàn thành hai bên tiến hành nghiệm thu quyết toán và thanh lý hợp đồng.

Hai bên tiến hành làm theo hợp đồng có gì thay đổi cùng thông qua giải quyết, nếu bên nào làm sai bên đó phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật

Hợp đồng này đã được thông qua hai bên cùng nghe và đi đến thống nhất. Hợp đồng được làm thành 2 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ mỗi bản.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ VÀ CHUYỂN GIAO XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 240321/HĐ -XLMTNA - ACHAU

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH ngày 14/6/2005 của Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2022 được Quốc Hội Nước CHXHCN Việt Nam thông qua;
- Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;
- Căn cứ giấy phép xử lý chất thải nguy hại số 1-2-3-4.104.VX của Công ty CP xử lý Môi trường Nghệ An được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp (lần 2) ngày 04/05/2020;
- Căn cứ giấy phép xử lý chất thải nguy hại mã số 1-2-3-4-5-6.071.VX của Công ty CP môi trường Nghi Sơn do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp (lần 6) ngày 07/06/2021;
- Căn cứ Công văn số 3548/BTNMT- TCMT ngày 02 tháng 07 năm 2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chấp thuận chuyển giao chất thải nguy hại giữa Công ty CP xử lý Môi trường Nghệ An và Công ty CP Môi trường Nghi Sơn;
- Căn cứ nhu cầu của Công ty CP tư vấn và xây dựng Á Châu và khả năng thực hiện công việc của Công ty CP Xử lý môi trường Nghệ An.

Hôm nay, ngày 21 tháng 03 năm 2024 tại văn phòng Công ty CP tư vấn và xây dựng Á Châu, chúng tôi gồm có:

BÊN A (Bên giao) : CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG Á CHÂU

Địa chỉ : Đường Hà Hoàng, xóm Đoài Thịnh, xã Thạch Trung, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam.

Điện thoại : 0888756888

Mã số thuế : 3000417092

Đại diện : Ông Hoàng Hữu Long Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

BÊN B (Bên nhận) : CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG NGHỆ AN

Địa chỉ : Xóm 5, xã Hưng Yên Nam, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An

Điện thoại : 0982 491 067 Email: nguyensexuan.xlmt@gmail.com

Tài khoản : 0101000997708

Ngân hàng : TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) - CN Nghệ An

Mã số thuế : 2901070574

Đại diện : Ông Nguyễn Văn Xuân Chức vụ: Giám đốc

Điện thoại thường trực khi gọi thu gom chất thải: Ông Nguyễn Ngọc Tú (0973.692.777)

Cùng thỏa thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển,

xử lý và chuyển giao xử lý chất thải nguy hại (sau đây viết tắt là CTNH) với những điều khoản sau đây:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG CÔNG VIỆC

Bên A đồng ý giao, Bên B đồng ý nhận thu gom, vận chuyển, xử lý và chuyển giao CTNH của Bên A để xử lý, tiêu hủy theo quy định của pháp luật hiện hành về thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH.

- Cách thức thu gom CTNH: Bên A thông báo trước (bằng văn bản hoặc điện thoại) cho Bên B trước 03 ngày về thời gian thu gom CTNH.
- Địa điểm thu gom CTNH: Tại Kho lưu giữ chất thải nguy hại tạm thời - Công ty CP tư vấn và xây dựng Á Châu (xã Quang Vinh, huyện Đức Thọ tỉnh Hà Tĩnh).
- Địa điểm xử lý CTNH của Bên B: Tại Cơ sở tái chế dầu nhớt thải- Xóm 6, xã Hưng Yên Nam, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.
- Địa điểm chuyển giao xử lý: Công ty CP Môi trường Nghi Sơn - Khu kinh tế Nghi Sơn, xã Trường Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
- Thời hạn của Hợp đồng: 01 năm kể từ ngày ký Hợp đồng này. Kết thúc thời hạn nói trên các Bên cùng nhau thương lượng về việc ký kết hợp đồng mới. Trường hợp không thỏa thuận được, các Bên sẽ tiến hành nghiệm thu và không còn nợ giữa hai bên thì coi như Hợp đồng này tự động thanh lý.

ĐIỀU 2 : ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1. Đơn giá thu gom, vận chuyển, xử lý và chuyển giao xử lý:

2.1.1. Đơn giá thu gom, vận chuyển, xử lý và chuyển giao xử lý chất thải theo dạng khoán: **12.000.000 đồng/ 01 lần thu gom (Đơn giá chưa bao gồm thuế VAT)**. Khối lượng chất thải nguy hại không vượt quá 600 kg/ 01 lần thu gom (Sáu trăm kilogam một lần thu gom). Trường hợp khối lượng chất thải nguy hại phát sinh vượt quá khối lượng 600 kg/01 lần thu gom thì ngoài đơn giá khoán ra, chi phí xử lý phát sinh sẽ áp dụng đơn giá thu gom: Số kilogam vượt nhân 20.000 VNĐ (Hai mươi nghìn đồng).
Danh mục chất thải thu gom như sau:

TT	Loại chất thải	Trạng thái	Mã CTNH
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Bao bì nhựa cứng thải	Rắn	18 01 03
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01
4	Ắc quy, chì thải	Rắn	19 06 01
5	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06

2.1.2. Ký hiệu và mã CTNH theo hướng dẫn của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

2.2 Hình thức thanh toán:

2.2.1. Hình thức thanh toán: Việc thanh toán sẽ được thực hiện bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của Bên B 100% tổng giá trị hợp đồng chậm nhất 15 ngày sau khi hai bên ký hợp đồng.

2.2.2. Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.

2.2.3. Trường hợp nếu bên A chậm thanh toán cho bên B theo (Điểm 1, khoản 2.2) thì ngoài giá trị hợp đồng nêu trên bên A phải chịu thêm phạt với mức lãi suất tín dụng quá hạn của Ngân

hàng nhà nước Việt Nam tại thời điểm thanh toán đối với phần giá trị chưa thanh toán.

ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

3.1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

- Thông báo số lượng, chủng loại chất thải cho bên B trước khi thu gom vận chuyển. Đảm bảo các loại chất thải nguy hại bên A chuyển giao cho bên B có trong giấy phép của Công ty CP xử lý môi trường Nghệ An và Công văn số 3548/BTNMT-TCMT ngày 02/07/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chấp thuận chuyển giao chất thải nguy hại giữa Công ty CP xử lý Môi trường Nghệ An và Công ty CP Môi trường Nghi Sơn (không bao gồm các chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải sinh hoạt);
- Tiến hành thu gom, phân loại, lưu giữ tạm thời các chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định. Nơi chứa chất thải phải thuận tiện cho xe ra vào lấy chất thải;
- Hỗ trợ bên B việc vận chuyển chất thải lên xe trong trường hợp khối lượng thu gom lớn cần phải có phương tiện cơ giới bốc dỡ;
- Đảm bảo thành phần chất thải đúng như đã thông báo với bên B, tuyệt đối không trộn lẫn các chất thải với nhau. Trường hợp các CTNH không đúng như thông báo với Bên B thì các Bên tiến hành lập biên bản bổ sung chủng loại CTNH cần xử lý theo đúng quy định của pháp luật cho Bên B;
- Bên A có trách nhiệm theo dõi giám sát quá trình giao nhận chất thải và phối hợp lập chứng từ chất thải nguy hại theo quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT;
- Bên A cử cán bộ xác nhận khối lượng chất thải thu gom, vận chuyển, xử lý và chuyển giao xử lý để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hợp đồng;
- Có quyền yêu cầu bồi thường và phạt vi phạm Hợp đồng theo Điều 6 của Hợp đồng này;
- Có quyền yêu cầu Bên B thực hiện nghiêm túc và đúng các điều khoản của Hợp đồng này;
- Thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho bên B theo Điều 2 Hợp đồng này;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3.2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

- Chịu toàn bộ trách nhiệm trước pháp luật về sai phạm (nếu có) kể từ khi bắt đầu nhận số lượng chất thải của bên A bàn giao đến khi xử lý triệt để lượng chất thải đó;
- Chịu trách nhiệm bố trí nhân lực, phương tiện đảm bảo yêu cầu của pháp luật và an toàn để bốc dỡ, thu gom chất thải tại khu lưu giữ CTNH của Bên A theo đúng thời gian mà hai bên thỏa thuận;
- Đảm bảo sự kết hợp chặt chẽ của bên A và bên B trong việc thu gom, vận chuyển chất thải;
- Bên B sẽ thu gom chất thải nguy hại của bên A đã được lưu chứa trong phương tiện, vật chứa chuyên dụng, sau đó vận chuyển đến địa điểm xử lý, chuyển giao xử lý chất thải của bên B;
- Bên B cam kết lưu giữ, xử lý, chuyển giao chất thải theo đúng với quy định của pháp luật;
- Chuyển trả chứng từ CTNH cho Bên A sau khi xử lý và chuyển giao xử lý hoàn tất các loại CTNH;
- Trong trường hợp phương tiện vận chuyển hư hỏng, Bên B sẽ sắp xếp (bố trí) thay thế phương tiện để thu gom CTNH trong vòng 3 ngày làm việc;
- Cùng bên A xác nhận khối lượng, chất thải thu gom, vận chuyển xử lý;
- Bên B có quyền tạm dừng vận chuyển CTNH của bên A khi chất thải nguy hại không được phân loại, đóng gói và lưu giữ theo đúng quy định của pháp luật. Trường hợp này các Bên tiến hành lập biên bản làm căn cứ xác nhận.
- Có quyền yêu cầu bồi thường và phạt vi phạm Hợp đồng theo Điều 6 của Hợp đồng này;
- Có quyền yêu cầu Bên A thực hiện nghiêm túc và đúng các điều khoản của Hợp đồng này;
- Được Bên A thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo Điều 2 Hợp đồng này;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 4: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG VÀ ĐƠN PHƯƠNG CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

4.1. Hợp đồng này sẽ được coi là chấm dứt trong các trường hợp sau:

- 4.1.1. Kết thúc thời hạn của Hợp đồng và các bên hoàn thành mọi nghĩa vụ liên quan bao gồm: Nghĩa vụ thanh toán, nghĩa vụ bồi thường (nếu có) và nghĩa vụ bảo mật thông tin;
- 4.1.2. Các bên thỏa thuận bằng văn bản về việc chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn;
- 4.1.3. Một trong hai bên bị giải thể, phá sản hoặc bị đình chỉ hoạt động. Trong trường hợp này cách thức chấm dứt Hợp đồng sẽ do các bên thỏa thuận trên cơ sở phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.2. Đơn phương chấm dứt, tạm dừng hợp đồng:

- 4.2.1. Mỗi bên có quyền đơn phương chấm dứt hoặc tạm dừng Hợp đồng nếu chứng minh bên kia không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các quy định của hợp đồng. Thông báo đơn phương chấm dứt hoặc tạm dừng Hợp đồng phải được gửi cho bên vi phạm 30 ngày làm việc trước ngày đơn phương chấm dứt, tạm dừng hợp đồng;
- 4.2.2. Trường hợp hợp đồng này bị đơn phương chấm dứt, tạm dừng không tuân thủ theo quy định trên, thì bên chấm dứt Hợp đồng không đúng quy định phải bồi thường toàn bộ thiệt hại thực tế và chịu phạt vi phạm Hợp đồng cho Bên kia;
- 4.2.3. Các Bên không phải bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm Hợp đồng trong trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Điều 5 của Hợp đồng này.

ĐIỀU 5 : TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

- 5.1. Sự kiện bất khả kháng là tất cả những sự kiện vượt khả năng kiểm soát của các bên, không thể biết trước được, không có sẵn và không thể khắc phục được sau ngày ký hợp đồng này, làm cản trở toàn bộ hay một phần việc thực hiện nghĩa vụ của bất cứ bên nào. Những sự kiện này bao gồm động đất, bão lớn, lũ lụt, hỏa hoạn, chiến tranh và những hành động của Chính phủ hoặc công chúng, bệnh dịch, nổi loạn, đình công hoặc bất cứ sự việc nào không thể biết trước, không thể ngăn cản hoặc kiểm soát được, bao gồm những sự kiện được xác định là sự kiện bất khả kháng theo tập quán thương mại chung của Việt Nam;
- 5.2. Trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng dẫn đến các bên không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ các điều khoản của hợp đồng thì các bên không phải chịu trách nhiệm về việc không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ các điều khoản của hợp đồng.

ĐIỀU 6 : BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI VÀ PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG

6.1 Bồi thường thiệt hại:

- 6.1.1. Nguyên tắc bồi thường: Căn cứ trên thiệt hại thực tế và lỗi của bên vi phạm. Áp dụng ngang nhau cho các bên vi phạm;
- 6.1.2. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này bên nào thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ dẫn đến gây thiệt hại cho bên kia thì phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại thực tế cho bên kia.

6.2 Phạt vi phạm Hợp đồng:

- 6.2.1. Phạt vi phạm là sự thỏa thuận giữa các bên trong Hợp đồng, theo đó bên vi phạm nghĩa vụ phải nộp một khoản tiền cho bên bị vi phạm;
- 6.2.2. Mức phạt vi phạm bằng 8% tổng giá trị Hợp đồng này.


ĐIỀU 7: PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Trường hợp phát sinh tranh chấp từ nội dung hợp đồng này các bên cùng thương lượng hòa giải trên cơ sở đảm bảo quyền lợi của các bên. Trong trường hợp không thể hòa giải được các bên có quyền khởi kiện ra Tòa Án có thẩm quyền giải quyết.

ĐIỀU 8: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 8.1. Bất kỳ sự thay đổi bổ sung nào đối với hợp đồng này đều được lập thành văn bản với sự thỏa thuận giữa hai bên và sửa đổi, bổ sung đó là một phần không thể tách rời là bản chính hay là Phụ lục bổ sung của Hợp đồng này.
- 8.2. Những gì không được quy định trong Hợp đồng này, hai Bên sẽ tuân thủ theo pháp luật hiện hành của Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- 8.3. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký;
- 8.4. Hợp đồng này được lập thành 05 (năm) bản tiếng Việt có giá trị pháp lý ngang nhau, Bên A giữ 03 (ba) bản, Bên B giữ 02 (hai) bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A



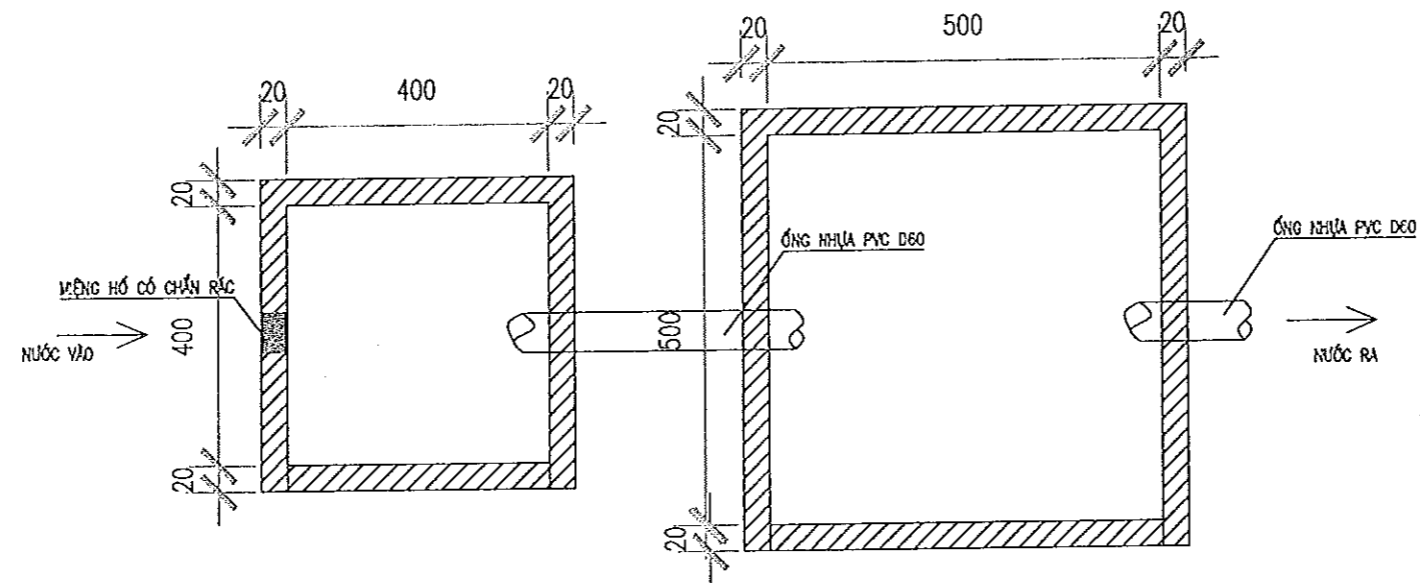
CHỦ TỊCH HĐQT
Hàng Hữu Long

ĐẠI DIỆN BÊN B

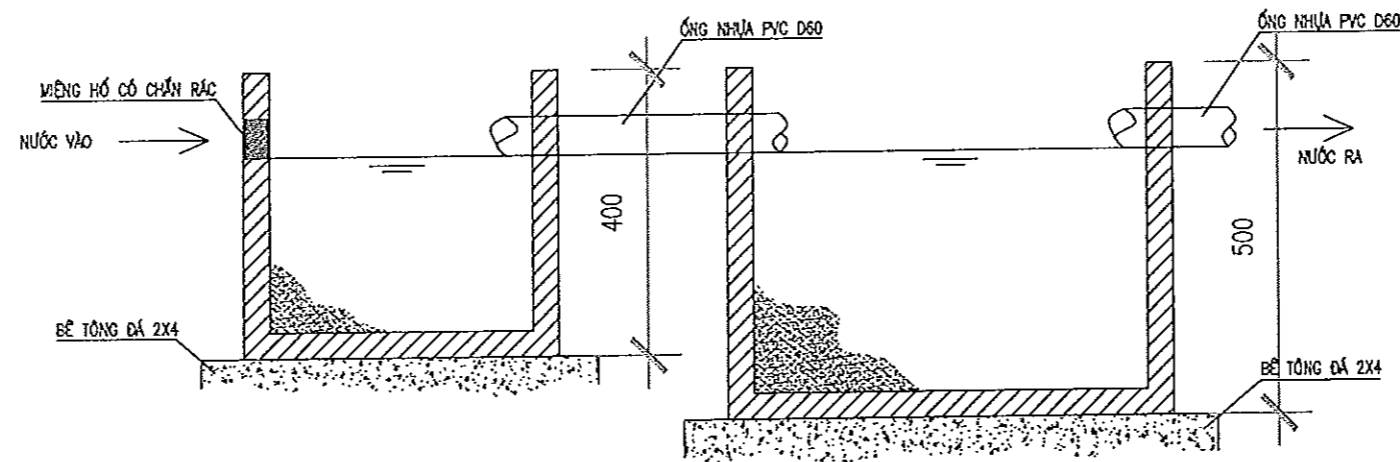


GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Xuân

BẢN VẼ BỂ LẮNG NƯỚC THẢI SINH HOẠT



MẶT BẰNG BỂ LẮNG



MẶT CÁT BỂ LẮNG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG HÀ TĨNH

Đ/c: Thôn Bắc Bình, xã Tùng Sơn, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh
 Địa thoại: 0918.432.630 - 0933.04.1234
 Email: info@hathinh.com - Web: hathinh.com

GIÁM ĐỐC

KS. NGUYỄN NGỌC TÚ

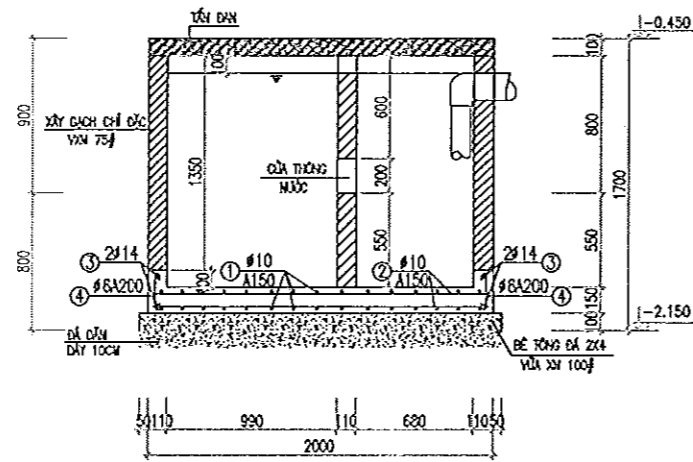
CHỦ TRÌ	NGUYỄN NGỌC TÚ	
THIẾT KẾ	TRƯƠNG HUY TUẤN	
TRIỂN KHAI	LIU THỊ THỦY	
CKKT	THIẾU ĐỨC ANH	

CHỦ ĐẦU TƯ

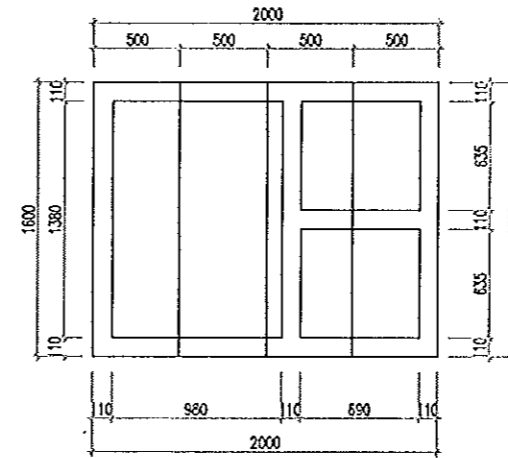
**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN
 VÀ THƯƠNG MẠI Á CHÂU**
 Đ/c: xã Quang Vinh, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh

HOÀN THÀNH : | BẢN VẼ SỐ:

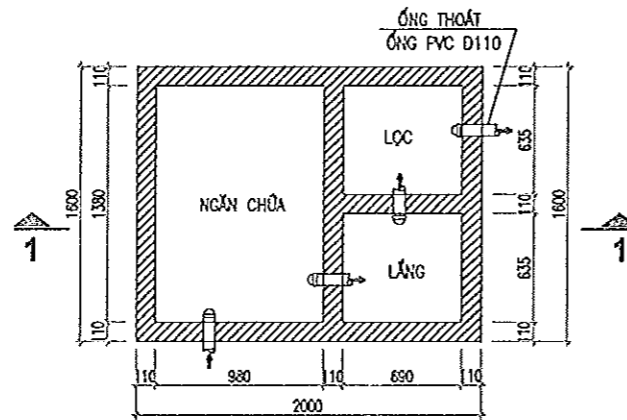
BẢN VẼ BỂ TỰ HOẠI 3 NGĂN



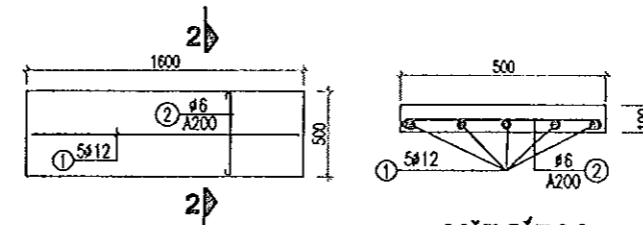
MẶT CẮT 1-1



MẶT BẰNG TẦNG ĐÀN



MẶT BẰNG BỂ PHỐT



MB THÉP TẦNG ĐÀN (SL: 4 C)

MẶT CẮT 2-2

THỐNG KÊ THÉP

TÊN CỤM	SỐ HẸU	KINH ĐẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THẺ (mm)	SỐ LƯỢNG		TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG TRỌNG LƯỢNG (kg)
					1 C. XE	T. BỐ		
CÁC BỂ CHỨNG	1	1580	10	1580	28	28	44.24	27.23
	2	1960	10	1960	24	24	47.63	29.50
	3	7200	14	7200	2	2	14.4	17.40
	4	50 210 50	8	310	37	37	11.47	2.55
MẶT BỂ CHỨNG	1	1580	12	1580	5	20	31.6	23.05
	2	50 480 50	8	580	9	36	20.88	4.83

GHI CHÚ:

- LÁT MÓNG DÂY BÊ TÔNG ĐÁ 2X4 MỨC 100%, DÂY 100
- TƯỜNG BÊ XÂY CÁCH CHỈ ĐỘC VÂN XÍ 75%; DÂY BÊ BTCT ĐÁ 1X2 M200%
- TẦNG ĐÀN NẾP BÊ BTCT ĐÁ 1X2 M200%, DÂY 100
- TRÁT TƯỜNG TRONG, TƯỜNG NGOÀI VÂN XÍ 75%; TƯỜNG TRONG BÊ CÓ DÁN MÙ
- DÂY BÊ LẮNG VÂN XÍ 75%, DÂY 3CM, CÓ DÁN MÙ



ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG HÀ TĨNH

Địa: Thôn Bắc Bình, xã Tương Sơn, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh
Số điện thoại: 0913.432.679 - 0932.64.1881
Email: môi trường@hathinh.com.vn - Website: môi trường@hathinh.com.vn

GIÁM ĐỐC

KS. NGUYỄN NGỌC TỬ

CHỦ TRƯ	NGUYỄN NGỌC TỬ	
THIẾT KẾ	TRƯƠNG HUY TUẤN	
TRIỂN KHAI	LƯU THỊ THÙY	
QLKT	THIẾU ĐỨC ANH	

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ THƯƠNG MẠI Á CHÂU
Địa: xã Quang Vinh, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh

HOÀN THÀNH: | BẢN VẼ SỐ:



BẢN ĐỒ KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

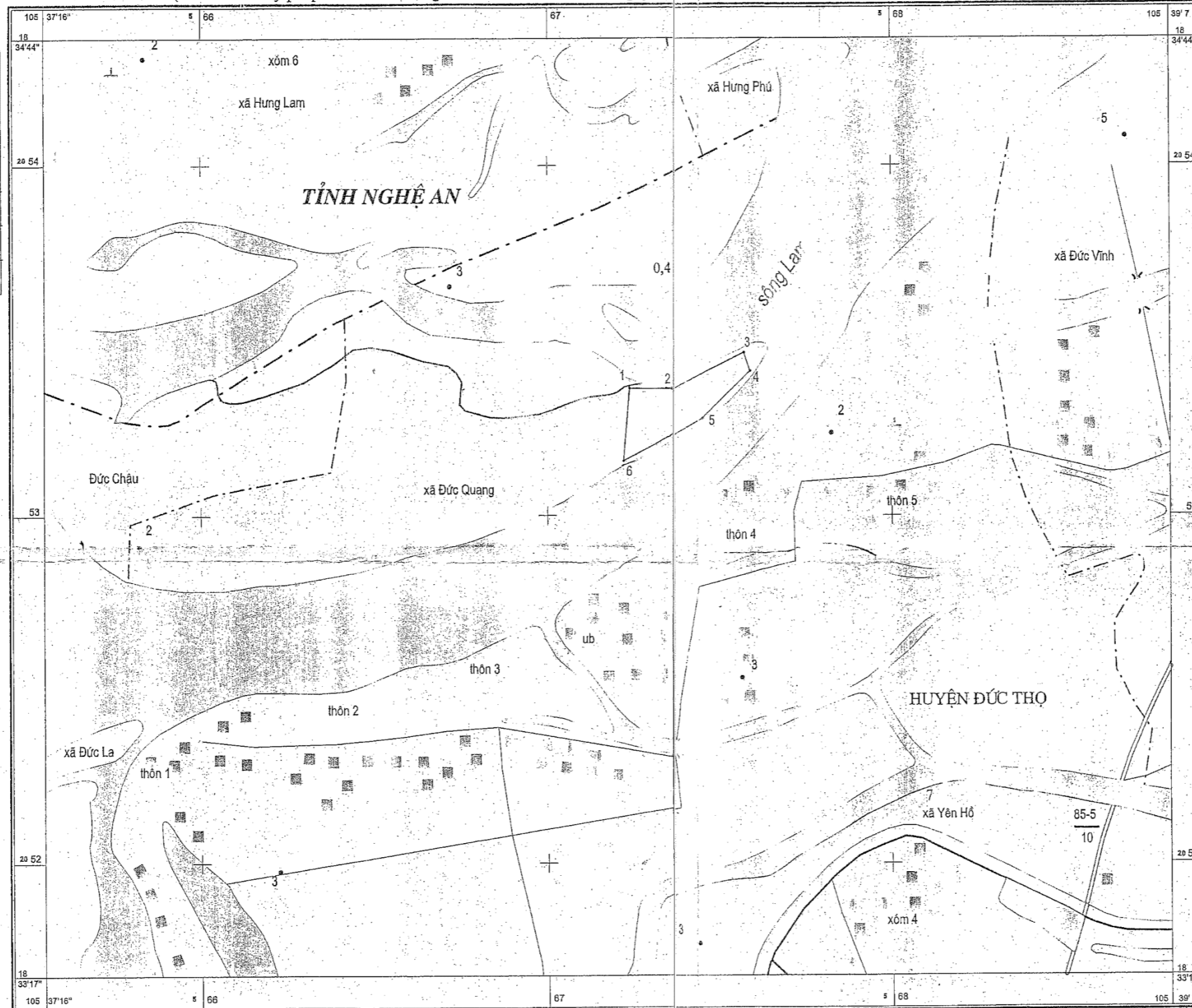
ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

MỎ CÁT XÂY DỰNG TẠI BÃI NGHỀN, XÃ ĐỨC QUANG, HUYỆN ĐỨC THỌ, TỈNH HÀ TĨNH
(Kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 411.../GP-UBND ngày 15 tháng 02 năm 2016 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)

PHỤ LỤC 2

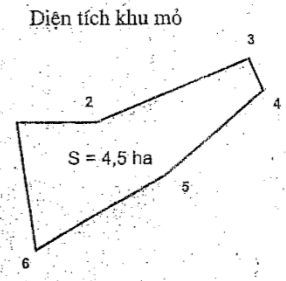
TỌA ĐỘ CÁC ĐIỂM GÓC KHU MỎ

Điểm góc	X (m)	Y (m)
1	2053699	514146
2	2053698	514260
3	2053800	514481
4	2053748	514500
5	2053614	514360
6	2053491	514127



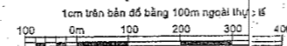
CHỈ DẪN

- Ranh giới tỉnh
- Ranh giới xã
- Sông
- Điểm đo chi tiết địa hình và giá trị độ cao
- Khu dân cư
- Đường giao thông

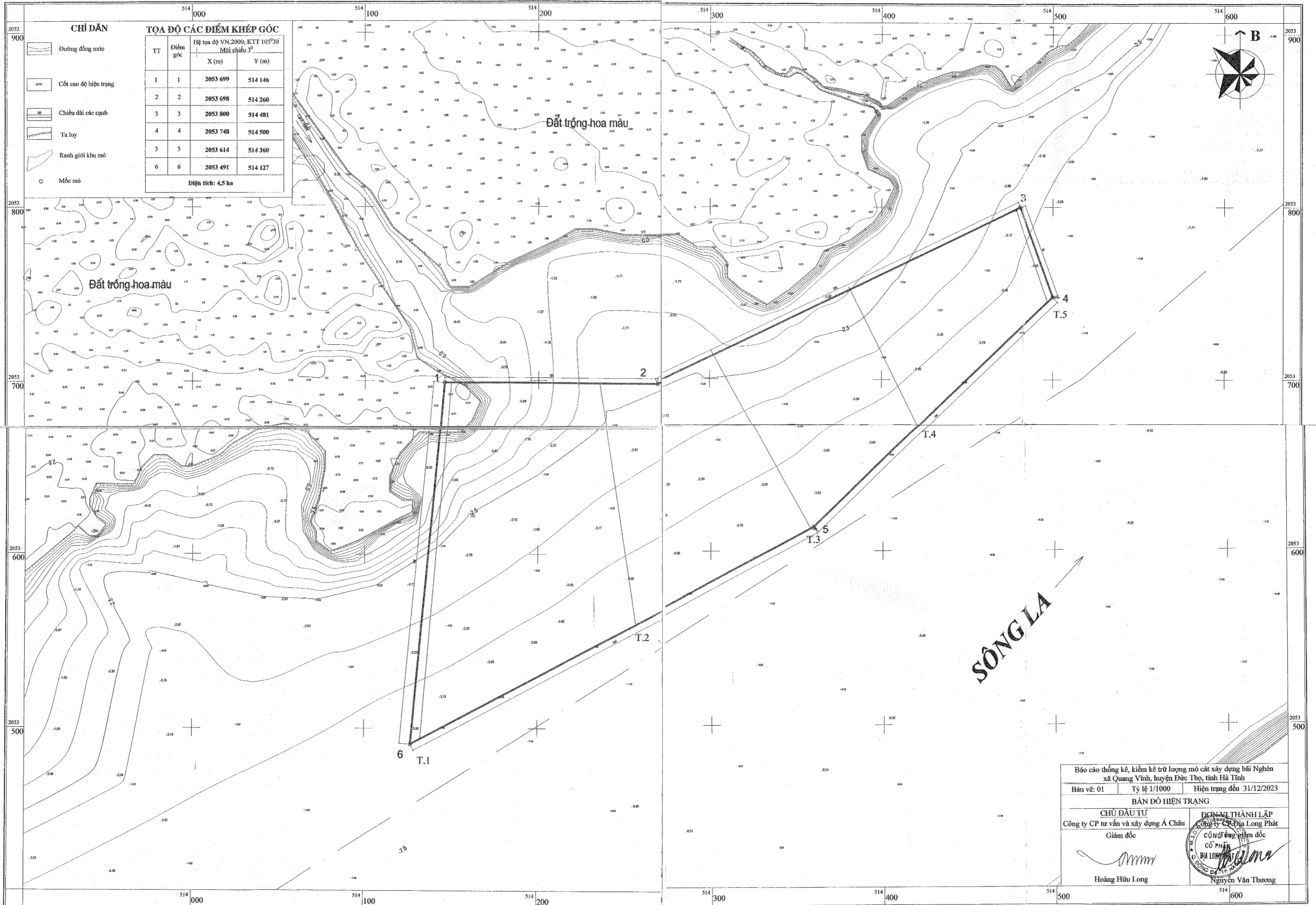


Được trích lược từ bản đồ địa hình tỷ lệ 1:10.000,
kính luyến 105° 30', múi chiếu 3 (độ) (Tờ bản đồ huyện Đức Thọ)

TỶ LỆ 1:10.000



BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN MỎ CÁT XÂY DỰNG BÃI NGHẸN, XÃ QUANG VĨNH, HUYỆN ĐỨC THỌ, TỈNH HÀ TĨNH



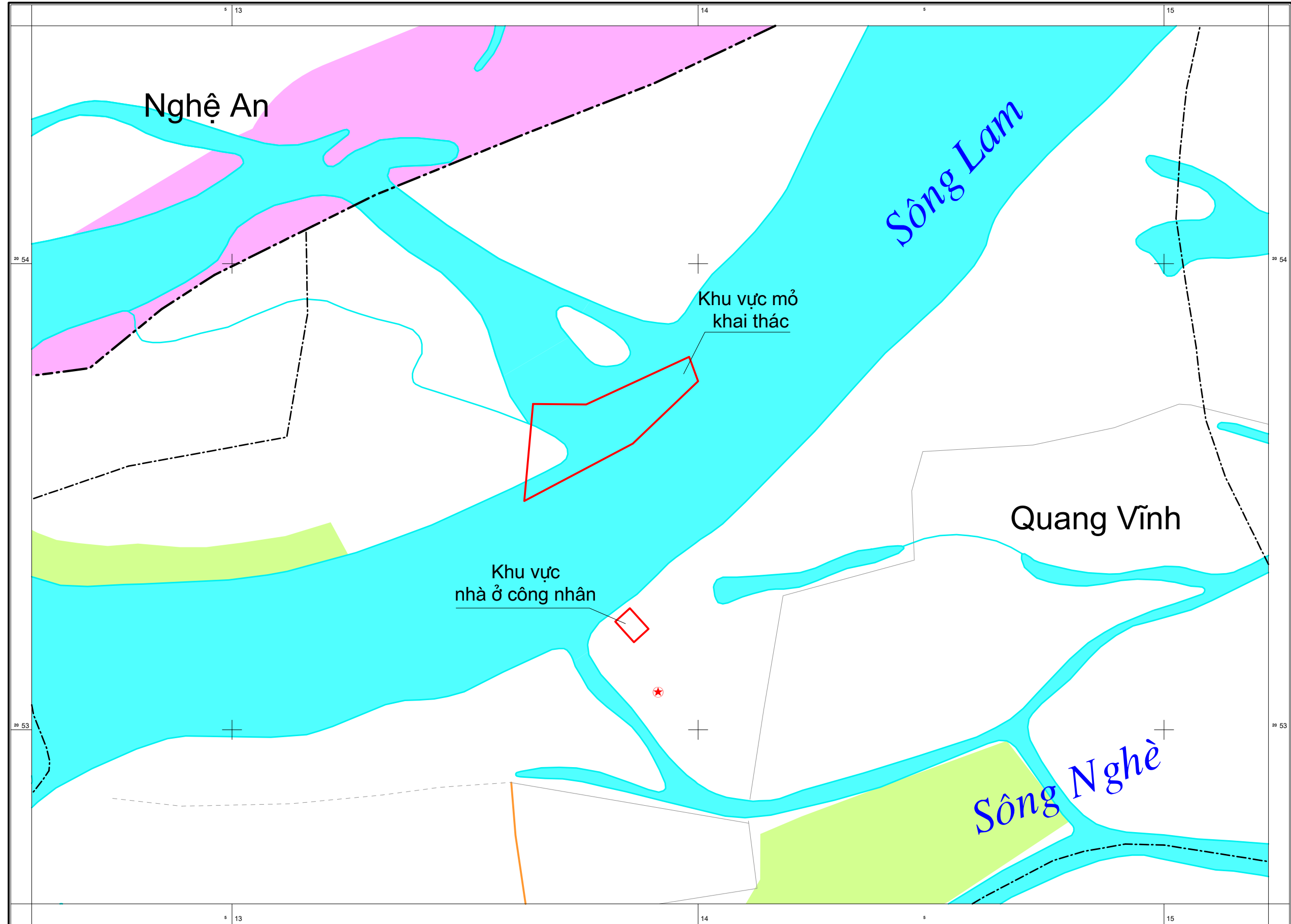
Báo cáo thống kê, kiểm kê trữ lượng mỏ cát xây dựng bãi Nghẹn
xã Quang Vinh, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh

Bản vẽ: 01 Tỷ lệ 1/1000 Hiện trạng đến 31/12/2023

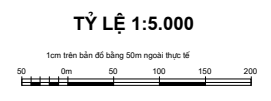
BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG

CHỦ ĐẦU TƯ Công ty CP tư vấn và xây dựng Á Châu Giám đốc Hoàng Hữu Long	ĐƠN VỊ THÀNH LẬP Công ty Cổ phần Địa Long Phát CÔNG ĐỒNG GIÁM ĐỐC CỔ PHẦN ĐỊA LONG PHÁT Nguyễn Văn Thương
---	---

BẢN ĐỒ VỊ TRÍ MỎ KHAI THÁC BÃI NGHỀ TẠI XÃ QUANG VĨNH, HUYỆN ĐỨC THỌ, TỈNH HÀ TĨNH



- Khu vực mỏ khai thác cát rộng 4,5ha



CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ THƯƠNG MẠI Á CHÂU